

BỘ CÔNG THƯƠNG

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA
NĂNG LỰC SẢN XUẤT
MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
GIAI ĐOẠN 2012 - 2014**

Hà Nội, năm 2015

MỞ ĐẦU

Để thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, thực hiện Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ chủ trì thu thập, tổng hợp chỉ tiêu Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp để phục vụ cho Đảng, Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển ngành Công nghiệp Việt Nam.

Triển khai thực hiện, ngày 29 tháng 4 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3814/QĐ-BCT về việc Điều tra Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp trên phạm vi toàn quốc nhằm thu thập những thông tin cơ bản và xây dựng cơ sở dữ liệu năm gốc cho chỉ tiêu Năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp để đánh giá khả năng sản xuất của cả nước, từng địa phương, các nhà đầu tư và doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước và mục đích nghiên cứu của tổ chức, cá nhân dùng tin trong nước và quốc tế.

Ấn phẩm Kết quả điều tra năng lực sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giai đoạn 2012 - 2014 gồm 3 phần:

Phần 1: Tổng quan ngành Công nghiệp Việt Nam.

Phần 2: Đánh giá năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giai đoạn 2012 - 2014.

Phần 3: Số liệu Năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giai đoạn 2012 - 2014.

Đây là lần đầu tiên hành điều tra năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp phạm vi toàn quốc và cũng là lần đầu xuất bản ấn phẩm này, Bộ Công Thương rất mong nhận được ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và khai thác thông tin, cơ sở dữ liệu về năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp để hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong nước và quốc tế./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

MỤC LỤC

PHẦN 1

TỔNG QUAN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, do vậy công nghiệp Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế vì đã sản xuất một khối lượng của cải vật chất rất lớn; cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho tất cả các ngành kinh tế; tạo ra sản phẩm tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống xã hội; thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tạo khả năng mở rộng sản xuất, thị trường lao động, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, củng cố an ninh quốc phòng. Trình độ phát triển của ngành công nghiệp là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam.

1.1. NHỮNG NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VỀ TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO, ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Với vai trò đặc biệt quan trọng như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định tư tưởng chỉ đạo, đường lối, chính sách, chiến lược phát triển công nghiệp trong suốt những năm qua. Cụ thể:

Đại hội Đảng lần thứ III đã xác định ngay từ những năm đầu của Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965): *Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.*

Nhiệm vụ chủ yếu được xác định:

Cần phải xây dựng một bước cơ sở vật chất và kỹ thuật cho một nền công nghiệp hiện đại xã hội chủ nghĩa theo đường lối phát triển ưu tiên công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển công nghiệp nhẹ. Kết hợp với phát triển công nghiệp hiện đại của Nhà nước, vẫn phải coi trọng và ra sức phát triển thủ công nghiệp hợp tác hoá bằng cách đẩy mạnh cải tiến công cụ, cải tiến thiết bị và cải tiến kỹ thuật.

Cần đẩy mạnh sản xuất các tư liệu sản xuất, chủ yếu là phát triển điện lực đi trước một bước, phát triển công nghiệp gang thép và công nghiệp chế tạo cơ khí, đồng thời phát triển công nghiệp than, công nghiệp vật liệu xây dựng, và bước đầu xây dựng công nghiệp hoá học, nhằm phát huy năng lực trong nước, cung cấp một số loại vật tư kỹ thuật, nguyên liệu, vật liệu cho xây dựng cơ bản, cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải. Đặc

biệt cần chú trọng hướng công nghiệp phục vụ nông nghiệp, phục vụ cải tiến nông cụ, cải tiến kỹ thuật và chế biến nông sản.

Cần ra sức phát triển các hàng tiêu dùng, thỏa mãn hầu hết các nhu cầu phổ thông về mặc, ăn uống, đồ dùng, học tập, bảo vệ sức khoẻ, nâng cao đời sống của nhân dân.

Việc phát triển công nghiệp còn phải nhằm đẩy mạnh chế biến các nông sản, mở rộng khai thác một số khoáng sản, mở rộng gia công các loại hàng thủ công có giá trị để tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu.

Đại hội Đảng lần thứ IV nêu lên đường lối xây dựng kinh tế trong giai đoạn cách mạng mới với nội dung cơ bản là: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất cho xã hội chủ nghĩa, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp giữa xây dựng công nghiệp cả nước trong một cơ cấu công nông hợp lý; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với việc hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, kết hợp kinh tế với quốc phòng; đẩy mạnh phân công và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và tăng cường quan hệ với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.*

Theo đó:

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng, phải chủ động giải quyết vấn đề nguyên liệu bằng việc xây dựng các cơ sở nguyên liệu trong nước đi đôi với việc sử dụng tổng hợp nguyên liệu, tận dụng phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu tái sinh. Đối với các mặt hàng thiết yếu cho đời sống nhân dân và cho xuất khẩu, chúng ta tranh thủ nhập thêm nguyên liệu.

Phải đẩy mạnh xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp nặng trước hết là ngành cơ khí, để phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp nặng, phục vụ tốt nhu cầu rất lớn trước mắt của nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành kinh tế khác, đồng thời chuẩn bị khả năng đáp ứng nhu cầu trang bị kỹ thuật lớn hơn cho nền kinh tế trong kế hoạch sau.

Hiện nay và trong nhiều năm tới, chúng ta đặc biệt quan tâm phát triển ngành điện, ngành than và tích cực xây dựng công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ, khí đốt.

Đại hội Đảng lần thứ V vạch ra chiến lược kinh tế - xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa: Cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt.

Cụ thể: Phát triển nông nghiệp phải kết hợp với phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, cả chiều rộng lẫn chiều sâu từ công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ đến các ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành thị và nông thôn. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng là một hướng cực kỳ quan trọng để **đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hoá của xã hội, mở rộng thị trường trong nước, tạo n** Phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng là tạo cơ sở cho sự phát triển của các ngành công nghiệp nặng. Mặt khác, để phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng thì phải sử dụng và phát huy tốt các năng lực công nghiệp nặng sẵn có, xây dựng một cách hợp lý những ngành công nghiệp nặng cần thiết để cung ứng điện, than, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hoá chất cơ bản, công cụ thường, công cụ nửa cơ giới và cơ giới, vật liệu xây dựng...; đồng thời rất tích cực khai thác một số sản phẩm công nghiệp nặng để tăng thêm nguồn vật tư và nguồn hàng xuất khẩu để trang bị kỹ thuật thêm cho các ngành kinh tế khác và cho bản thân công nghiệp nặng. Những nhu cầu của nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng mà sản phẩm của công nghiệp nặng trong nước chưa đáp ứng được hoặc đáp ứng chưa đủ, thì bản thân nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và cả công nghiệp nặng phải tạo ra hàng **xuất để nhập nguồn hàng xuất** khẩu quan trọng, mở rộng thị trường ra ngoài nước.

Đại hội Đảng lần thứ VI xác định tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đại hội cũng chỉ rõ: Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh

tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định.

Để thực hiện sự sắp xếp đó, phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Các chính sách kinh tế đối với ngành công nghiệp gồm:

- Công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đáp ứng cho được nhu cầu của nhân dân về những loại hàng thông thường, bảo đảm yêu cầu chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh việc làm hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác, đồng thời mở rộng mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Khai thác triệt để mọi nguồn nguyên liệu; tận dụng các loại phế liệu; tranh thủ nguồn nguyên liệu gia công của nước ngoài.

- Việc phát triển công nghiệp nặng và xây dựng kết cấu hạ tầng phải nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên, và theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo. Ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng (điện than, dầu khí). Ngành công nghiệp cơ khí của tất cả các bộ và các địa phương phải được sắp xếp lại, đồng bộ hoá, chuyên môn hoá, từng bước đổi mới thiết bị. Trong công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; sử dụng hết năng lực hiện có và phát triển thêm một số cơ sở nhỏ về vật liệu xây dựng, hoá chất, kim loại. Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Những sản phẩm nào trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ phải tạo ra sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của mình và đóng góp ngoại tệ cho Nhà nước. Không bố trí xây dựng công nghiệp nặng vượt quá điều kiện và khả năng thực tế, ngay cả để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đi đôi với việc tăng thêm nguồn điện, cần xây dựng cân đối mạng lưới dẫn điện.

Đại hội Đảng lần thứ VII đã đề ra đường lối đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Căn cứ vào mục tiêu của Chiến lược kinh tế - xã hội của chặng đường đầu tiên, tiếp tục điều chỉnh và từng bước xây dựng mới cơ cấu

kinh tế theo hướng tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế. Theo đó, phương hướng phát triển ngành công nghiệp được xác định:

Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và chế biến, gia công hàng xuất khẩu trên cơ sở phát huy tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế, kể cả hợp doanh với nước ngoài, đáp ứng nhu cầu về những mặt hàng thiết yếu với chất lượng ngày càng cao, phục vụ tốt tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tạo thêm nhiều việc làm. Chú trọng phát triển các ngành dệt, may mặc, da, sành, sứ, thủy tinh, gỗ, cao su, nhựa, kim khí tiêu dùng, đồ điện và điện tử. Sớm đưa một số mặt hàng gia công, lắp ráp, chế biến có công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh để trở thành mũi nhọn trong xuất khẩu.

Công nghiệp nặng trước hết phải phục vụ tốt việc thực hiện ba chương trình kinh tế. Đẩy mạnh khai thác dầu khí. Tiếp tục phát triển điện lực, nhất là ở miền Trung và miền Nam. Đưa ngành than đi vào thế phát triển vững chắc. Khai thác và chế biến các khoáng sản khác. Tăng năng lực sản xuất phân lân, apatít; sớm xây dựng cơ sở lọc dầu, sản xuất phân đạm, tăng thêm sản lượng xi măng, các loại vật liệu xây dựng thông thường, các hoá chất cơ bản. Coi trọng việc chấn chỉnh và đầu tư chiều sâu ngành cơ khí để phục vụ các ngành kinh tế, từ sửa chữa đến chế tạo một phần thiết bị và có sản phẩm xuất khẩu. Tăng năng lực sản xuất thép, tăng sản lượng thiếc, sớm khai thác bôxít, đất hiếm...

Đại hội Đảng lần thứ VIII đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đến năm 2020: *Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính là: *Phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế, có sức cạnh tranh trên thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu, hình thành một số ngành và sản phẩm mũi nhọn trong các lĩnh vực như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu. Nâng cấp và cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, hình thành các khu công nghiệp tập trung, tạo địa bàn thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới, phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn và ven đô thị. Phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường*

hàng không. Bảo đảm giao lưu thông thoát trong mọi thời tiết trên các tuyến giao thông huyết mạch, tuyến xương sống và các tuyến nhánh đến các vùng, các trung tâm miền núi. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở miền núi, nông thôn, đặc biệt là đường, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc...

Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 với mục tiêu tổng quát: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Định hướng phát triển các ngành công nghiệp rất cụ thể:

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, như chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giày, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.

Phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng.

Quy hoạch phân bố hợp lý công nghiệp trên cả nước. Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở.

Phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa với ngành, nghề đa dạng. Đổi mới, nâng cấp công nghệ trong các cơ sở hiện có để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sử dụng phù hợp các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Phát triển nhiều hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ

sản phẩm trên cơ sở đảm bảo hài hoà về lợi ích. Tăng tỷ lệ nội địa hoá trong công nghiệp gia công, lắp ráp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường.

Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế 5 năm 2006 - 2010 với mục tiêu tổng quát là: *Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Tạo được nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.*

Theo đó, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp như sau:

Phát triển đồng bộ công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp quốc phòng, góp phần xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng tự chủ của nền kinh tế. Xây dựng và thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tập trung nguồn lực phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, tạo ra sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động, như: chế biến nông, lâm, thủy sản; may mặc, giày dép, đồ nhựa, đồ gỗ gia dụng; cơ khí đóng tàu, công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ, thiết bị điện, thiết bị xây dựng, máy nông nghiệp, phương tiện giao thông, sản xuất và lắp ráp cơ - điện tử; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm. Nâng tỉ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến. Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghiệp vật liệu và công nghệ tiết kiệm nguyên vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường.

Việc phát triển các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng chủ yếu là dựa vào nguồn lực của các thành phần kinh tế, bao gồm cả đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Căn cứ vào nguồn lực và hiệu quả, Nhà nước tập trung đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư để phát triển những sản phẩm quan trọng của nền kinh tế, như: lọc hoá dầu, khai thác quặng và luyện thép, phân bón,

hoá chất, xi măng, khai thác bô - xít và sản xuất alumin, bột giấy gắn với trồng rừng, một số sản phẩm cơ khí chế tạo.

Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước; hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm; gắn việc phát triển sản xuất với bảo đảm nhà ở và các điều kiện sinh hoạt cho người lao động. Chuyển các cơ sở công nghiệp trong nội thành, nội thị, gần khu đông dân cư không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường vào các khu công nghiệp tập trung hoặc các vùng ít dân cư.

Đại hội Đảng lần thứ XI đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với mục tiêu tổng quát: *Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.*

Theo đó, định hướng phát triển các ngành công nghiệp như sau:

Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao; hoàn thành việc xây dựng các khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý trên toàn lãnh thổ, bảo đảm phát triển cân đối và hiệu quả giữa các vùng.

Đại hội Đảng lần thứ XII dự kiến sẽ đưa ra Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2016 - 2020 với mục tiêu tổng quát: *Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hoà bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Tiếp tục xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Nhiệm vụ của ngành công nghiệp được xác định:

Nghiên cứu hoàn thiện tiêu chí để xác định các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. rà soát, bổ sung chiến lược phát triển công nghiệp; phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỉ trọng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng cao; có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế. Phát triển công nghiệp năng lượng, luyện kim, hoá dầu, hoá chất với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp cơ khí chế tạo mạnh và sản phẩm cơ khí trọng điểm. Tập trung phát triển công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm. Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất vật tư và máy nông nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước, hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết ngành.

Phát triển vững chắc, hiệu quả công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển phù hợp doanh nghiệp có khả năng sản xuất sản phẩm lưỡng dụng. Từng

bước hình thành tổ hợp công nghiệp quốc phòng với sự tham gia của nhiều loại hình doanh nghiệp.

1.2. VAI TRÒ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

1.2.1. Ngành Điện

Với vai trò đặc biệt quan trọng là đảm bảo cung cấp năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam và phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực ở các giai đoạn. Trong những năm qua, ngành Điện đã có những bước tiến vượt bậc cả về công suất, điện năng sản xuất và khối lượng lưới điện ở các cấp điện áp, góp phần quan trọng vào việc phát triển cơ sở hạ tầng cũng như nhiều ngành kinh tế khác. Đến nay, sản lượng điện thương phẩm đảm bảo cung cấp đủ cho các ngành kinh tế và sinh hoạt của nhân dân; 100% số huyện trong cả nước có điện lưới và điện tại chỗ; lưới điện không chỉ tăng vượt trội về khối lượng mà ngày càng được hiện đại hoá về cấu trúc, đảm bảo tiêu chí cấp điện an toàn và thực hiện liên kết lưới điện với các nước trong khu vực như Lào, Campuchia và Trung Quốc.

Về trình độ công nghệ: Các nhà máy nhiệt điện đốt than cũ chủ yếu là nhiệt điện ngưng hơi, sử dụng lò hơi tuần hoàn tự nhiên, công suất thấp, các thiết bị lọc bụi cổ điển có hiệu suất thấp. Một số nhà máy xây dựng gần đây có các chỉ tiêu tiên tiến hơn, đa số các khâu tự động, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường; các nhà máy thủy điện có mức độ tự động hoá, thiết bị, công nghệ khác nhau. Có nhà máy đã tự động hoá cao, sử dụng hệ thống kích từ thuộc loại hiện đại nhất thế giới nhưng cũng có nhà máy thiết bị lạc hậu đang dần được thay thế bằng thiết bị hiện đại.

Hiện nay, ngành Điện đã và đang nghiên cứu đầu tư, lựa chọn công nghệ thích hợp nhằm nâng cao tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, địa nhiệt, thủy triều...) để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, đến nay, kết quả của việc nghiên cứu và phát triển các loại năng lượng này có giá thành điện còn cao, công suất và sản lượng điện kỳ vọng chưa đủ lớn để cạnh tranh với các nguồn thủy điện, nhiệt điện.

1.2.2. Ngành Dầu khí

Ngành Dầu khí là ngành kinh tế - kỹ thuật đóng vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm an ninh năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định dầu khí là tài nguyên không tái tạo nên ngành đã khai thác,

chế biến và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên trong nước, đồng thời, tăng cường đầu tư tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí ở nước ngoài. Đến nay, ngành Dầu khí phát triển khá toàn diện cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, xây dựng đồng bộ và đầy đủ chuỗi giá trị hoạt động dầu khí từ khai thác, chế biến dầu và các hoạt động chế biến lọc hóa dầu: Hoàn thành và đưa vào sử dụng đường ống dẫn khí đồng hành từ Bạch Hổ về Bà Rịa - Vũng Tàu và đường ống dẫn khí từ bể trầm tích Nam Côn Sơn về đất liền là nền tảng cho ngành công nghiệp khí quốc gia; việc vận hành sản xuất Nhà máy phân đạm Phú Mỹ, Nhà máy đạm Cà Mau và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã hoàn thiện chu trình sản xuất khép kín nền công nghiệp dầu khí của Việt Nam.

Hiện nay, việc mở rộng thăm dò, khai thác ra vùng biển sâu rủi ro cao và tốn kém nên lĩnh vực đầu tư quy mô lớn, rất bài bản và trình độ khoa học công nghệ tương đồng với các nước phát triển. Không thể tách giá trị đầu tư cho từng hoạt động khai thác hay chế biến dầu và các hoạt động chế biến lọc hóa dầu.

1.2.3. Ngành Than

Năng lượng than và vai trò của sản phẩm than trong an ninh năng lượng từ lâu đã trở thành nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới. Việt Nam là nước có tiềm năng về tài nguyên than nhưng cũng là nước có mức tiêu thụ năng lượng tương đối lớn so với khu vực và trên thế giới. Than không chỉ cung cấp cho ngành điện mà còn cho các ngành kinh tế quốc dân khác và phục vụ xuất khẩu. Trong việc đảm bảo an ninh năng lượng, tỷ trọng của sản phẩm than để cân bằng năng lượng ngày càng tăng nên sức ép thiếu hụt than sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Hiện nay, yêu cầu phát triển của công nghiệp khai thác than đòi hỏi phải đồng bộ trên các lĩnh vực như khai thác, chế biến và kinh doanh than. Tuy nhiên, trong lĩnh vực khai thác thì tỷ trọng khai thác hầm lò ngày càng tăng trong khi trữ lượng ngày càng cạn kiệt, các mỏ than hầm lò khai thác phải xuống sâu hơn đòi hỏi công nghệ khai thác phức tạp hơn,...; trong lĩnh vực chế biến thì khách hàng ngày càng đòi hỏi than thành phẩm chất lượng cao, chủng loại đa dạng, thậm chí yêu cầu cụ thể công nghệ chế biến, tuyển than cao cấp. Vì vậy, nhu cầu về vốn đầu tư để phát triển và xây dựng mới các mỏ than hầm lò, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu và phát triển bền vững là rất lớn.

1.2.4. Ngành Cơ khí

Ngành Cơ khí là ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò và vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, ngành Cơ khí trong nước phát triển còn chưa đạt yêu cầu và chưa hợp lý so với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Hiện nay, một số chuyên ngành và sản phẩm đã có bước phát triển (chế tạo thiết bị cơ khí thủy công, dàn khoan dầu khí, thiết bị điện, thiết bị cho các dự án xi măng, đóng tàu, các công trình thiết bị toàn bộ,...) nhưng số còn lại phát triển còn kém, khả năng cạnh tranh thấp (các chuyên ngành cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến). Doanh nghiệp trong ngành chủ yếu là gia công sản phẩm nhưng cũng chỉ đáp ứng rất thấp nhu cầu cơ khí trong nước do các điều kiện hạ tầng công nghiệp, tính chuyên môn hóa trong sản xuất và nguyên liệu cơ bản đầu vào (thiếu những ngành cơ khí cần thiết như sản xuất phôi thép rèn, đúc chất lượng cao áp dụng công nghệ tiên tiến, thiếu các cơ sở có máy móc gia công, chế tạo lớn, hiện đại, thiếu nhà máy sản xuất thép chuyên dùng cho chế tạo các sản phẩm cơ khí,...).

Yêu cầu về đầu tư trong ngành Cơ khí phải là dài hạn và có chiều sâu nhưng thực tế việc đầu tư trong ngành còn quá nhỏ bé và mang tính chất phân tán, chỉ khép kín trong từng doanh nghiệp. Khối doanh nghiệp nhà nước đầu tư thấp và chậm đổi mới; khối doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ, ít quan tâm đến đầu tư sâu và dài hạn; khối doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài đầu tư tương xứng nên phát triển nhanh và mạnh hơn.

1.2.5. Ngành Hóa chất

Sự phát triển của ngành hóa chất đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công nghiệp hoá chất được đánh giá là một ngành công nghiệp then chốt trong nền kinh tế. Từ việc sử dụng đa dạng các nguồn tài nguyên khoáng sản, dầu khí, thực vật, phế liệu công, nông, lâm nghiệp... công nghiệp hoá chất đã tạo nên các loại sản phẩm hàng hoá có giá trị gia tăng cao như cung cấp các loại phân bón, hoá chất bảo vệ thực vật, hoá chất cơ bản, hoá chất tiêu dùng, các vật liệu mới... cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng xã hội, đồng thời, là động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp, nghiên cứu khoa học, công nghệ phát triển, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hiện nay, ngành Hóa chất có tốc độ tăng trưởng cao và đáp ứng được một phần nhu cầu trong nước. Các doanh nghiệp sản xuất hóa chất ngoài việc chú trọng phát triển thị trường trong nước cũng đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường nước ngoài, đầu tư mạnh cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ,

đổi mới thiết bị để sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao và đa dạng chủng loại nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, phần lớn sản phẩm hóa dược, nguyên liệu cho sản xuất thuốc, thậm chí cả tá dược cao cấp, phụ gia, chất màu, bao bì và các dòng sản phẩm cao cấp vẫn phải nhập khẩu.

1.2.6. Ngành Điện tử - Tin học

Công nghiệp điện tử là ngành sản xuất vật chất mang tính cơ bản của nền kinh tế quốc dân, có vị trí then chốt trong nền kinh tế hiện đại và có tác động mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác. Tuy được đánh giá là ngành công nghiệp mũi nhọn và đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu nhưng thực tế vẫn chỉ ở giai đoạn đầu trong chuỗi sản xuất sản phẩm điện tử và cũng chỉ tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp trong nước phần lớn là vừa và nhỏ, chủ yếu là gia công, lắp ráp và dịch vụ thương mại. Kể từ khi gia nhập WTO, ngành điện tử đã phát triển mạnh mẽ với nhiều dự án lớn ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, cơ cấu sản phẩm phát triển không đồng đều (nghiêng về điện tử tiêu dùng nhiều hơn điện tử chuyên dụng). Ngoài ra, ngành công nghiệp phụ trợ sản xuất phụ tùng linh kiện phát triển chậm nên nhiều nhà sản xuất quốc tế khi đầu tư vào Việt Nam phải cân nhắc.

Đối với lĩnh vực tin học, mặc dù chưa có chiến lược cụ thể nhưng lĩnh vực tin học phát triển rất nhanh và không cần phải có nền tảng từ quá khứ. Là ngành công nghệ cao có tốc độ thay đổi nhanh, chu kỳ sống của sản phẩm ngắn nhưng lại có ảnh hưởng nhiều đến quyết định sự phát triển và đổi mới của nhiều ngành kinh tế. Lĩnh vực này chủ yếu là cạnh tranh chất xám, không đòi hỏi đầu tư lớn và được chú trọng đầu tư phát triển ở mọi doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, đồng thời cũng dễ dàng được hỗ trợ từ Nhà nước.

Công nghiệp Điện tử - Tin học là một trong những ngành thực hiện chức năng là phương tiện cần thiết và là điều kiện đảm bảo cho sự phát triển của các nền kinh tế quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá hiện nay. Việc phát triển công nghiệp điện tử cần có định hướng cụ thể để đẩy mạnh nghiên cứu, thiết kế, phát triển các sản phẩm mới, chủ động tìm kiếm đối tác ở các nước có nền công nghiệp điện tử phát triển, đồng thời, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư sản xuất, chuyển giao công nghệ và liên kết sản xuất quốc tế giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với các doanh nghiệp lắp ráp.

1.2.7. Ngành Dệt may

Ngành Dệt may đã có những bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, trọng điểm về xuất khẩu; thỏa mãn

ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo việc làm cho hơn 2 triệu lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Ngoài việc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng trong nước, sản phẩm dệt may Việt Nam đã và đang thâm nhập sâu vào thị trường thế giới. Tuy nhiên, sản phẩm xơ, sợi chỉ đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu; sản phẩm vải, nhuộm và hoàn tất chưa đáp ứng được chất lượng cũng như giá cả; các loại phụ liệu may như chỉ, dây khoá kéo, các loại nút, mex, túi PE, bao bì, nhãn mác trong nước tuy đã sản xuất được nhưng chất lượng chưa cao,...

Trước đây, đầu tư cho ngành Dệt may chưa tương xứng với tầm quan trọng (Công nghệ sản xuất vải lạc hậu; đầu tư các khâu nhuộm, thiết bị dệt và xử lý hoàn tất chưa đồng bộ, các tiêu chuẩn về môi trường chưa đáp ứng yêu cầu) nên tỷ lệ gia công cao đồng nghĩa với giá trị gia tăng thấp, nguồn nguyên phụ liệu chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu làm giảm năng lực cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, để đảm bảo cho việc phát triển bền vững và hiệu quả, doanh nghiệp trong ngành đã bắt đầu chú trọng đầu tư công nghệ may hiện đại, hình thành các chuỗi liên kết, đầu tư các hệ thống quản lý môi trường, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đẩy mạnh đầu tư các cơ sở sản xuất bông, xơ, sợi tổng hợp và phụ liệu, đồng thời, hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động thiết kế và xúc tiến thương mại sản phẩm dệt may.

1.2.8. Ngành Da giày

Ngành Da giày là ngành công nghiệp xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam với sản phẩm chiến lược là giày thể thao, giày vải, giày dép da thời trang, cặp, túi.... Tuy nhiên, sản xuất nguyên phụ liệu và công nghiệp phụ trợ, da thuộc, vải giả da, năng lực thiết kế mẫu mã và phát triển sản phẩm mới lại chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đồng bộ dù tiềm năng thị trường rất lớn. 70% số doanh nghiệp lớn trong ngành là công ty liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài. Sản phẩm phần lớn là gia công xuất khẩu, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm chỉ khoảng 40%. Hầu hết các nguyên phụ liệu quan trọng, như da thuộc, da nhân tạo, vải mũ giày, nhựa PVC, sơn PU, vải, keo,... phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Vì vậy nên giá trị gia tăng của các mặt hàng da giày xuất khẩu thấp, khó chủ động được đơn hàng và nguồn nguyên liệu.

Yêu cầu hiện nay về chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật hàng xuất khẩu đặt ra cho doanh nghiệp ngành Da giày những sức ép không nhỏ về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường nước thải trong sản xuất, vùng nguyên phụ liệu (da nguyên liệu, xơ bông, xơ nhân tạo,

hóa chất), hiện đại hóa máy móc, thiết bị (nhất là lĩnh vực thuộc da), cam kết liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng...

1.2.9. Ngành Giấy

Hiện nay, sản xuất giấy và bột giấy chưa được coi là ngành quan trọng nhưng trong thực tiễn lại là một trong những ngành sản xuất sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và có lợi thế về nguồn nguyên liệu tái tạo. Nhu cầu sử dụng giấy rất lớn khi nền kinh tế tiếp tục phát triển và dân số tiếp tục tăng. Ngành giấy phục vụ cho rất nhiều ngành khác (văn hóa, giáo dục, truyền thông, công nghiệp khác...) nhưng lại chỉ có gần 500 doanh nghiệp sản xuất giấy (trong đó chỉ có trên 90 doanh nghiệp có công suất trên 1.000 tấn/năm). Các doanh nghiệp trong nước mới chỉ cung cấp được các sản phẩm giấy bao bì, giấy in, giấy viết, giấy in báo (chất lượng thấp), giấy tissue (cơ bản chiếm lĩnh được thị trường nội địa) và giấy vàng mã (chủ yếu để xuất khẩu).

Năng lực sản xuất ngành giấy thấp do công nghệ lạc hậu và khả năng cung cấp của vùng nguyên liệu còn hạn chế. Hầu hết các doanh nghiệp không chủ động được nguồn nguyên liệu để sản xuất vì phải phụ thuộc vào việc nhập khẩu bột giấy. Mặt khác, sức hút đầu tư của ngành giấy chưa đủ mạnh do yêu cầu vốn đầu tư lớn và các quy định về môi trường chặt chẽ. Tuy nhiên, đã xuất hiện tình trạng mất cân đối trong đầu tư dẫn đến dư thừa công suất ở một số sản phẩm. Thời gian gần đây đã có nhiều doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có tiềm lực vốn mạnh, công nghệ sản xuất hiện đại đi vào hoạt động.

1.2.10. Ngành Nhựa

Trước đây, ngành Nhựa chỉ đáp ứng được nhu cầu rất khiêm tốn của thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, Hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra cơ hội cho doanh nghiệp trong ngành tìm được hướng đi thích hợp như đầu tư công nghệ mới, thiết bị hiện đại từ các nước tiên tiến hoặc hợp tác, liên doanh, để tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu.

Ngành Nhựa phát triển khá nhanh do tiếp nhận được luồng vốn đầu tư nước ngoài. Hiện nay, các sản phẩm nhựa có chất lượng tốt, đẹp, mẫu mã phong phú, khả năng cạnh tranh cao trong các lĩnh vực về bao bì, sản phẩm xây dựng, sản phẩm công nghiệp kỹ thuật cao, tinh xảo, đóng góp một phần đáng kể trong việc cung cấp nhiều hàng hóa phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông... và tiêu dùng của xã hội, góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.2.11. Ngành Bia, rượu, nước giải khát

Ngành Bia, rượu, nước giải khát là ngành sản xuất vật chất có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Trong nhiều năm qua, ngành Bia, rượu, nước giải khát đã sản xuất ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có uy tín và có thương hiệu hàng hóa, đủ khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới, đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động trong tất cả các khâu sản xuất, phân phối, cung ứng, vận tải...

Sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng dân số ổn định ở mức cao sẽ là triển vọng cho ngành bia, rượu, nước giải khát. Hiện nay, số lượng doanh nghiệp sản xuất trong ngành có xu hướng giảm dần do việc cơ cấu lại, hợp lý hóa sản xuất, giải thể hoặc sáp nhập các doanh nghiệp nhỏ và thay vào đó là các doanh nghiệp quy mô lớn, đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về chất lượng và chủng loại của người tiêu dùng.

1.2.12. Ngành Sữa

Với quy mô dân số lớn, mức tăng dân số cao và mức sống, thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện là thị trường vô cùng tiềm năng đối với ngành Sữa. Tuy nhiên, lượng sữa uống sản xuất trong nước mới chỉ thỏa mãn khoảng 25% nhu cầu. Các sản phẩm sữa uống giữ vị trí dẫn đầu trong ngành thực phẩm đồ uống; sản phẩm sữa bột đã dần chiếm thị trường trong nước nhưng với mức tăng khiêm tốn.

Trong lĩnh vực đầu tư cho ngành Sữa, đầu tư cho vùng nguyên liệu còn phân tán với quy mô nhỏ lẻ, thiếu chuyên nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi và biện pháp phòng trừ bệnh tật còn thụ động (trừ một số rất ít doanh nghiệp đầu tư bài bản như Vinamilk, Hanoi milk, Nutifood...). Mặt khác, muốn xây dựng một hệ thống chăn nuôi bò sữa đạt chuẩn phải đầu tư một số vốn rất lớn để nhập khẩu công nghệ, nguyên liệu, thiết bị. Điều đó cũng đã kéo theo hệ quả là các công ty sữa phụ thuộc vào sữa bột nhập khẩu hơn là sản xuất sữa trong nước.

1.2.13. Ngành Thuốc lá

Ngày nay, cùng với việc phát triển hoàn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc lá khép kín từ sản xuất nguyên phụ liệu đến thuốc lá điếu, ngành Thuốc lá đã có vị thế vững chắc trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm cho người lao

động và cải thiện đời sống, xây dựng nông thôn mới tại nhiều địa phương trên cả nước; đưa cây thuốc lá thành cây xóa đói giảm nghèo tại một số vùng sâu, vùng xa, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và an ninh quốc phòng tại các vùng biên giới có vùng trồng cây thuốc lá.

Thực hiện tốt chủ trương không khuyến khích tiêu dùng trong nước nên doanh nghiệp trong ngành đã phát triển theo hướng trồng cây thuốc lá gắn với công nghiệp chế biến nguyên liệu; xây dựng được các thương hiệu thuốc lá Việt được người tiêu dùng ưa chuộng và tin cậy; đầu tư chiều sâu thay vì chiều rộng để nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh; cơ cấu lại sản phẩm theo hướng tăng dần tỷ trọng sản lượng thuốc lá trung cao cấp; chủ động hợp tác, liên doanh với các tập đoàn thuốc lá lớn trên thế giới nhằm đẩy mạnh sản xuất và phân phối thuốc lá ra thị trường quốc tế.

Trong lĩnh vực đầu tư sản xuất thuốc lá điều kiện nay chỉ có thể cải tạo và nâng cấp các nhà máy thuốc điếu theo hướng hiện đại hóa dây chuyền thiết bị công nghệ, bổ sung máy móc thiết bị có công suất cao nhưng không làm tăng năng lực sản xuất và hủy bỏ các thiết bị cũ, lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường.

PHẦN 2
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ NĂNG LỰC MỚI TĂNG
CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
GIAI ĐOẠN 2012 - 2014

B. KHAI KHOÁNG

1. Sản phẩm than các loại (051000)

Có 35 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 vào hoạt động khai thác và sản xuất sản phẩm than các loại gần 33,7 nghìn tỷ đồng; giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2013 gần 1,62 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8% so với cùng kỳ; dự kiến giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2014 gần 2,1 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ.

Năng lực sản xuất (NLSX) theo thiết kế tính đến năm 2012 gần 63,48 triệu tấn; năng lực mới tăng trong năm 2013 trên 1,25 triệu tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực mới tăng trong năm 2014 gần 2,8 triệu tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Năng lực sản xuất (NLSX) theo thực tế năm 2012 gần 55,2 triệu tấn; năng lực mới tăng trong năm 2013 gần 1,2 triệu tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực mới tăng trong năm 2014 gần 2,6 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp khai thác và sản xuất sản phẩm than các loại vẫn chưa sản xuất hết công suất. Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp khai thác và sản xuất sản phẩm than các loại tăng không đáng kể: Các năm 2012, 2013 và 2014 lần lượt là 87,0%, 87,1% và 87,4%.

- Năng lực sản xuất tập trung tại khu vực doanh nghiệp nhà nước (99,9%). Không có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

- Khai thác và sản xuất than các loại chủ yếu tại Quảng Ninh, số ít còn lại là Lạng Sơn, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hòa Bình.

2. Sản phẩm dầu thô khai thác (061000)

Có 03 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư vào hoạt động khai thác dầu thô tính đến năm 2012 gần 158,2 nghìn tỷ đồng; giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2013 trên 33,9 nghìn tỷ đồng, tăng 21,4% so với cùng kỳ; dự kiến giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2014 trên 33,3 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 gần 16,18 triệu tấn; năng lực mới tăng trong năm 2013 trên 1,95 triệu tấn, tăng 12,0% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực mới tăng trong năm 2014 trên 1,74 triệu tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 16,74 triệu tấn; sản xuất thực tế trong năm 2013 giảm 6,9% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực sản xuất thực tế trong năm 2014 tăng 4,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012, các doanh nghiệp khai thác dầu thô vượt công suất thiết kế 3,5%. Tuy nhiên, năm 2013 và 2014 giảm dần, chỉ sử dụng 86% và 82% công suất thiết kế.

- Năng lực sản xuất tại khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 58 - 67%, còn lại là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, phần lớn giá trị đầu tư là của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Khai thác dầu thô tập trung tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Trong Kết quả điều tra có cả thành phố Hà Nội là do Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam tham gia góp vốn liên doanh có mã số thuế tại Hà Nội).

3. Sản phẩm khí tự nhiên dạng khí (062000)

Có 04 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư vào hoạt động sản xuất khí tự nhiên dạng khí đến năm 2012 trên 15,5 nghìn tỷ đồng; giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2013 trên 287 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ; dự kiến giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2014 trên 35,8 nghìn tỷ đồng, tăng gấp gần 3,3 lần so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 trên 7,64 tỷ m³; năng lực mới tăng trong năm 2013 trên 225 triệu m³, tương ứng tăng 2,9% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực mới tăng trong năm 2014 gần 1,3 tỷ m³, tương ứng tăng 16,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 gần 6,2 tỷ m³; sản xuất thực tế trong năm 2013 tăng gần 99,2 triệu m³, tương ứng tăng 1,6% so với cùng kỳ; dự kiến

năng lực sản xuất thực tế trong năm 2014 tăng gần 1,7 tỷ m³, tương ứng tăng 27,0% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Sản xuất khí tự nhiên dạng khí chưa hết công suất, chỉ sử dụng khoảng 80% - 87,1% công suất thiết kế.

- Năng lực sản xuất chủ yếu tập trung tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và khai thác tập trung tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Trong Kết quả điều tra năm 2014 của Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam- Công ty Điều hành Khí Biển Đông có mã số thuế tại thành phố Hồ Chí Minh).

C. CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

1. Sản phẩm thịt hộp (101010)

Có 06 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 91,5 tỷ đồng. Tuy năm 2013 không có đầu tư mới nhưng năm 2014 giá trị đầu tư tăng thêm 133,6 tỷ đồng, tăng 146,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 4,6 nghìn tấn/năm. Đến năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 17,5 nghìn tấn, tăng 3,79 lần so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 1,3 nghìn tấn. Đến năm 2014, với sự chuyển biến tích cực của thị trường đã thúc đẩy đầu tư vào dây chuyền, máy móc, đưa sản lượng sản xuất thịt hộp tăng thêm 10,97 nghìn tấn, tăng trên 8,3 lần so với năm 2012.

Nhận xét:

- Năm 2012, sản lượng sản xuất chỉ bằng 28,5% so với công suất thiết kế. Tuy nhiên đến năm 2014, tỷ lệ sử dụng công suất dự kiến cũng chỉ tăng lên ở mức 55,5%. Điều đó chứng tỏ sản xuất thịt hộp đang dư thừa công suất.

- Năm 2012 và 2013, các doanh nghiệp hoạt động sản xuất sản phẩm thịt hộp đều thuộc khu vực ngoài nhà nước. Đến năm 2014, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài đã tham gia sản xuất sản phẩm thịt hộp. Tuy nhiên, khu vực ngoài nhà nước vẫn là chủ yếu.

- Doanh nghiệp sản xuất tập trung chủ yếu ở Long An (năm 2012 và 2013). Đến năm 2014 có thêm các tỉnh Hà Nam và Quảng Nam tham gia sản xuất sản phẩm này.

2. Sản phẩm rau, quả đóng hộp (103010)

Có 32 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 369,6 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư mới tăng là 30,8 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư mới tăng là 33,4 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 61,3 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng trên 6,3 nghìn tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng trên 7,3 nghìn tấn, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 26,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng trên 6,3 nghìn tấn, tăng 23,5% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng gần 6,9 nghìn tấn, tăng 20,8% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm rau, quả đóng hộp rất thấp, lần lượt năm 2012 đến năm 2014 là 43,9%, 49,2% và 53,5%.

- Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm trên 3/4 năng lực sản xuất trong lĩnh vực này. Rất ít doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất rau, quả đóng hộp (chỉ chiếm 2 - 3% năng lực sản xuất của cả nước).

- Phân bố sản xuất sản phẩm này tập trung phần lớn tại tỉnh Hà Nam. Ngoài ra còn có tỉnh Hải Dương và tỉnh Đồng Nai.

3. Sản phẩm dầu, mỡ thực vật chế biến (104002)

Có 18 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1,36 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2013, đầu tư cho ngành này tăng không đáng kể. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 109,8 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 767,4 nghìn tấn và gần như không tăng trong năm 2013. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 49,3 nghìn tấn, tăng 6,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 456,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 2,0 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 92,7 nghìn tấn, tăng 20,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất gần như không thay đổi trong năm 2012 và 2013 ở mức 59,5%. Tuy nhiên, năm 2014 tăng lên 67,2% so với cùng kỳ.

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp nhà nước (trên 47,4%) và khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (gần 30,0%).

- Các tỉnh, thành phố có sản xuất sản phẩm dầu, mỡ thực vật chế biến như: Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Ninh, Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Tiền Giang,...

4. Sản phẩm sữa (105001)

Có 20 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 7,68 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 1,1 nghìn tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư thêm 61,3 tỷ đồng, tăng 0,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 sản phẩm sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác (sau đây gọi tắt là sữa chưa cô đặc) là 319,4 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 122,2 triệu lít, tăng 38,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 3,0 triệu lít, tăng 0,7% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 sản phẩm sữa và kem dạng bột, hạt hoặc thể rắn khác, các sản phẩm sữa khác và sữa hoặc kem cô đặc có hoặc không có đường khác trừ thể rắn (sau đây gọi tắt là sữa cô đặc) là 485,5 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 78,6 nghìn tấn, tăng 16,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 17,1 nghìn tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế của sản phẩm sữa chưa cô đặc năm 2012 là 39,4 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 21,2 triệu lít, tăng 53,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 3,0 triệu lít, tăng 4,9% so với cùng kỳ; NLSX theo thực tế sản phẩm sữa cô đặc năm 2012 là 319,7 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 53,8 nghìn tấn, tăng 16,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 11,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của sản phẩm sữa chưa cô đặc rất thấp (13 - 14%) nhưng với sản phẩm sữa cô đặc là 65,8 - 66,3%.

- Đối với sản xuất sản phẩm sữa chưa cô đặc tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước với trên 90% năng lực sản xuất. Trong điều tra không thu thập được khu vực doanh nghiệp nhà nước; đối với sản xuất sản phẩm sữa cô đặc, phần lớn năng lực sản xuất tập trung ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (trên 70%).

- Đối với sản xuất sản phẩm sữa chưa cô đặc, hoạt động sản xuất tập trung tại Đà Nẵng và Thanh Hóa (chiếm trên 90%); đối với sản phẩm sữa cô đặc, hoạt động sản xuất tập trung tại Đồng Nai, Hà Nam và Bình Định.

5. Sản phẩm đường thô và đường tinh luyện, đường mật (107201)

Có 29 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 gần 11,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 953,2 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 674,9 tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 gần 1,96 triệu tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 528,1 nghìn tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến, năng lực sản xuất mới tăng 490,8 nghìn tấn, tăng 19,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 trên 1,27 triệu tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 347,0 nghìn tấn, tăng 27,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 355,7 nghìn tấn, tăng 22,0% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất chỉ trên 65,0% qua các năm hay nói cách khác, ngành này đang dư thừa công suất.

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (trên 62%), khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 28% (riêng năm 2014 là 18%) còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Hoạt động sản xuất phân bố không tập trung. Một số tỉnh, thành phố có tỷ trọng cao trên 10% như: Bình Thuận, Gia Lai, Tây Ninh, Phú Yên.

6. Sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (10800)

Có 206 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 gần 17,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 22,4 nghìn tỷ đồng, tăng 128,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm trên 8,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 16,0 triệu tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng gần 3,2 triệu tấn, tăng 19,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng trên 2,3 triệu tấn, tăng 12,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 11,0 triệu tấn. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng trên 1,4 triệu tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng gần 1,5 triệu tấn, tăng 12,0% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Đầu tư trong ngành tăng nhanh trong năm 2013 và 2014 nên công suất sử dụng máy móc thiết bị giảm.

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm trên 60%), khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (khoảng 30%) còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Sản xuất phân tán rộng khắp trên các tỉnh, thành phố như Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Định, Bắc Giang,...

7. Rượu mạnh (1101001)

Có 55 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 trên 1,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 55,2 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 276,9 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 111,4 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 3,0 triệu lít, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 2,1 triệu lít, tăng 4,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 69,8 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 1,5 triệu lít, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 2,1 triệu lít, tăng 2,9% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm rượu mạnh chỉ sử dụng khoảng 61 - 63% công suất thiết kế.

- NLSX tập trung tại khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng chưa đến 5%.

- Các tỉnh, thành phố có sản xuất sản phẩm này: Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Phú Thọ, Bình Dương,...

8. Rượu vang (110200)

Có 18 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 88,0 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 4,6 tỷ đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư thêm 4,3 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012, NLSX sản phẩm rượu vang là 6,4 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 1,5 triệu lít, tăng 22,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 0,4 triệu lít, tăng 5,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 2,8 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 0,8 triệu lít, tăng 28,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 0,4 triệu lít, tăng 10,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm rượu vang sử dụng chưa đến một nửa công suất thiết kế.

- Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm rượu vang thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước, khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Trong điều tra không thu thập được thông tin của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- NLSX tập trung tại tỉnh Bình Dương và Lâm Đồng (trên 90%), còn lại là Kon Tum, Đà Nẵng,... Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp tỉnh Bình Dương lại rất thấp (khoảng 1,5%).

9. Bia (1103001)

Có 66 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 gần 35,3 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư thêm gần 3,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế năm 2012 trên 3,3 tỷ lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 179,5 triệu lít, tăng 5,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng 552,8 triệu lít, tăng 15,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 gần 2 tỷ lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 179,5 triệu lít, tăng 4,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 201,8 triệu lít, tăng 9,8% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Việc sử dụng công suất giảm dần qua các năm và cao nhất cũng chỉ ở mức gần 60% công suất thiết kế.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm trên 35%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm trên 55%, còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Một số tỉnh, thành phố chính có sản xuất sản phẩm bia như: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế,...

10. Nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (1104101)

Có 235 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 gần 50,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 367,8 tỷ đồng, tăng 0,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư thêm 327,6 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 gần 1,9 tỷ lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 494,3 triệu lít, tăng 26,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 311,6 triệu lít, tăng 13,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 trên 1,36 tỷ lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 427,5 triệu lít, tăng 31,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 181,8 triệu lít, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất ở mức tương đối cao so với các sản phẩm sản xuất khác (khoảng 72,0 - 74,0%).

- NLSX chủ yếu tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước với trên 80%, tiếp đến là khu vực doanh nghiệp nhà nước (khoảng 9,5 - 11,0%) và còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Năng lực sản xuất tại các tỉnh, thành phố như: Khánh Hòa, Bình Phước, Bình Thuận, Hậu Giang, Quảng Ninh, Hưng Yên,...

11. Đồ uống không cồn (1104201)

Có 24 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 4,5 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 177,3 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 đầu tư tăng đáng kể gần 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 32,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 408,6 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 94,3 triệu lít, tăng 23,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng 53,5 triệu lít, tăng 10,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 247,7 triệu lít. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 20,6 triệu lít, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng 28,4 triệu lít, tăng 10,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012 là năm có tỷ lệ sử dụng công suất cao nhất cũng chỉ được 60,6% và giảm dần trong các năm sau đó.

- NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (khoảng từ 73,0 - 82,0%), sau đó là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (khoảng từ 11,0 - 19,0%), khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng rất ít.

- Cơ cấu NLSX tập trung tại một số tỉnh, thành phố: Quảng Ngãi, Hồ Chí Minh, Bình Dương,...

12. Sản xuất sản phẩm thuốc lá điếu (1200100)

Có 17 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012, tổng giá trị đầu tư cho hoạt động sản xuất sản phẩm thuốc lá điếu trên 292,8 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 1.511,0 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Năm 2014, tăng đầu tư 100,8 nghìn tỷ đồng, tăng 34,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 trên 6,75 tỷ bao. Năm 2013 năng lực sản xuất mới tăng 4,5 triệu bao, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 504,3 triệu bao, tăng 7,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 4,66 tỷ bao. Năm 2013 sản lượng sản xuất thực tế không tăng so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất mới tăng 429,4 triệu bao, tăng 9,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét

- Tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất ở mức 70,0%.
- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 92,0 - 95,7%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 0,2%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 4,1 - 7,2%.
- Các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Khánh Hòa là những tỉnh tập trung năng lực sản xuất sản phẩm này.

13. Vải dệt thoi từ sợi tự nhiên (131201)

Có 39 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 trên 1,3 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 109,6 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 208,3 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 212,6 triệu m². Năm 2013 năng lực mới tăng 6,9 triệu m², tăng 3,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến công suất mới tăng 10,8 triệu m², tăng 4,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 154,3 triệu m². Năm 2013 sản lượng mới tăng 4,5 triệu m², tăng 2,9% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 7,1 triệu m², tăng 4,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm vải dệt thoi từ sợi tự nhiên đều trên 72,0% qua các năm.
- NLSX chủ yếu từ khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài khoảng 76,0%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước khoảng trên 20%, còn lại là khu vực kinh tế nhà nước.
- NLSX tập trung tại các tỉnh sau: Phú Thọ, Đồng Nai, Bình Phước,...

14. Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo (131203)

Có 27 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1,17 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 các đầu tư tăng thêm 120,4 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 45,2 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 210,4 triệu m². Năm 2013 năng lực mới tăng 280,4 triệu m², tăng 133,3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 công suất mới tăng 34,0 triệu m², tăng 6,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 248,8 triệu m². Năm 2013, năng lực mới tăng 56,1 triệu m², tăng 22,6% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 sản lượng sản xuất mới tăng 18,6 triệu m², tăng 6,1% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012 sản xuất vượt công suất thiết kế 18,3%. Tuy nhiên, đến năm 2013 và 2014 chỉ đạt 62,0% công suất thiết kế.

- NLSX năm 2012 của khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 6,4%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 39,9%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 53,7% nhưng đến năm 2014, cơ cấu thay đổi lần lượt là 47,6%, 22,0% và 30,3%.

- Đối với sản phẩm vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc nhân tạo, năng lực sản xuất tập trung hầu hết tại Đồng Nai (khoảng từ 81,0 - 91,0%).

15. Vải dệt kim đan móc (132101)

Có 22 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 gần 1,35 nghìn tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 104,7 tỷ đồng, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 187,9 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 370,7 triệu m². Năm 2013 năng lực mới tăng 136,6 triệu m², tăng 36,8% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014, năng lực mới tăng 55,2 triệu m², tăng 10,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 347,1 triệu m². Năm 2013 năng lực mới tăng 133,7 triệu m², tăng 38,5% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 49,0 triệu m², tăng 10,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất trong ngành này luôn đạt khoảng 94,0% trong các năm.

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (trên 85,0%), khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 1,3%, còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Doanh nghiệp sản xuất tập trung hầu hết tại thành phố Hồ Chí Minh (trên 84,3%), còn lại rải rác tại một số tỉnh.

16. Sản phẩm may sẵn dùng cho gia đình (132201)

Có 73 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư của sản phẩm chăn và chăn du lịch (trừ chăn điện), khăn, ga trải giường, màn (mùng), màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong, diềm màn che hoặc diềm giường (sau đây gọi tắt là chăn, màn các loại) tính đến năm 2012 là 972,0 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 167,3 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 215,8 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ; Giá trị đầu tư của sản phẩm khăn trải bàn, khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp (sau đây gọi tắt là khăn các loại) tính đến năm 2012 là 915,0 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 102,1 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 99,1 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế chăn, màn các loại tính đến năm 2012 gần 1,04 tỷ cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 36,3 triệu cái, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 20,3 triệu cái, tăng 1,9% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm khăn các loại năm 2012 là 32,5 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 7,6 nghìn tấn, tăng 23,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 4,5 nghìn tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế chăn, màn các loại năm 2012 là 454,9 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 45,9 triệu cái, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 15,3 triệu cái, tăng 3,1% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm khăn các loại năm 2012 là 27,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 7,8 nghìn tấn, tăng 28,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 4,5 nghìn tấn, tăng 12,7% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của sản phẩm chần, màn các loại rất thấp. Năm 2014 cao nhất cũng chỉ đạt 47,1%. Ngược lại, tỷ lệ sử dụng công suất của sản phẩm khăn các loại khá cao. Năm 2014 cao nhất đạt 89,2%.

- NLSX sản phẩm chần, màn các loại chủ yếu tập trung tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (khoảng 90,0%), còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong cuộc điều tra không thu thập được số liệu doanh nghiệp nhà nước; NLSX của sản phẩm khăn các loại đang có sự dịch chuyển từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX của nhóm sản phẩm chần, màn các loại tập trung tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tỷ trọng khoảng 89,0%. NLSX của sản phẩm khăn các loại tại: Tây Ninh (khoảng 36,9%), Hà Nam (với 14,9%), còn lại rải rác ở một vài tỉnh khác.

17. Quần áo mặc ngoài dệt kim hoặc đan móc (141003)

Có 182 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 trên 5,74 nghìn tỷ đồng. Năm 2013, đầu tư tăng thêm 1.185,9 tỷ đồng, tăng 20,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 978,9 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 1,23 tỷ cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 660,8 triệu cái, tăng 53,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 193,9 triệu cái, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 669,9 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 320,7 triệu cái, tăng 47,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 172,9 triệu cái, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất lần lượt các năm 2012, 2013, 2014 là 54,4%, 52,4%, 55,8%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 1,1 - 1,5%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 32,4 - 34,8%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 64,1 - 66,5%.

- Tỉnh Thừa Thiên Huế, Hồ Chí Minh, Cần Thơ là những địa phương tập trung năng lực sản xuất sản phẩm này.

18. Quần áo mặc ngoài không dệt kim hoặc đan móc (141004)

Có 364 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 trên 11,9 nghìn tỷ đồng. Năm 2013, đầu tư thêm trên 2,77 nghìn tỷ đồng, tăng 23,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 2,43 nghìn tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 895,2 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 922,2 triệu cái, tăng 103,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 1.731,7 triệu cái, tăng 95,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 680,4 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 800,0 triệu cái, tăng 117,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 1.461,5 triệu cái, tăng 98,7% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất tăng qua các năm từ 2012 đến 2014 lần lượt là 76,0%, 81,5% và 82,9%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,7 - 1,6%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 29,6 - 54,4%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 44,9 - 68,8%.

- Sản xuất phân bố rải rác ở một số tỉnh, thành phố, trong đó, số ít chiếm tỷ trọng trên 10% như: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

19. Quần áo lót, áo ti-sớt (T-shirt), áo may ô và các loại áo lót khác (141005)

Có 37 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 766,5 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 163,5 tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 145,6 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 70,1 triệu cái. Năm 2013, năng lực mới tăng 20,9 triệu cái, tăng 29,8% so với cùng kỳ. Năm 2014, công suất mới tăng 16,1 triệu cái, tăng 17,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 60,8 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 17,7 triệu cái, tăng 29,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 9,8 triệu cái, tăng 12,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất giảm dần qua các năm và thời điểm thấp nhất là năm 2014 đạt 82,3%. Tuy nhiên, đây cũng là ngành có tỷ lệ sử dụng công suất cao.

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 83,9 - 89,0%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 9,6 - 15,1%, còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX phân bố rải rác ở một số tỉnh, thành phố, trong đó, số ít chiếm tỷ trọng trên 10% như: Bình Dương, Đồng Nai, Ninh Bình.

20. Trang phục dệt kim, đan móc (143001)

Có 30 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.990,2 tỷ đồng. Năm 2013, đầu tư tăng thêm 358,3 tỷ đồng, tăng 18,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 692,3 tỷ đồng, tăng 29,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 158,1 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 92,2 triệu cái, tăng 58,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 107,1 triệu cái, tăng 42,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 133,3 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 94,9 triệu cái, tăng 71,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 67,6 triệu cái, tăng 29,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Đây là ngành có tỷ lệ sử dụng công suất cao, đạt 82,8 - 91,2%. Tuy nhiên, năm 2014 tỷ lệ này là thấp nhất.

- NLSX phần lớn tập trung tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (trên 90,0%), còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin về doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Hải Dương và Thanh Hóa.

21. Va li, túi xách và các loại tương tự (151201)

Có 63 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.454,2 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 518,1 tỷ đồng, tăng 35,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư thêm 386,4 tỷ đồng, tăng 19,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế năm 2012 là 995,5 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 180,3 triệu cái, tăng 18,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 450,5 triệu cái, tăng 38,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 872,7 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 187,4 triệu cái, tăng 21,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 164,5 triệu cái, tăng 15,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất sự thay đổi tương đối rõ rệt giữa các năm. Năm 2012, đạt 87,7%; năm 2013, đạt 90,2% (tăng 2,5 điểm % so với năm 2012); năm 2014, chỉ đạt mức 75,3% (giảm 14,9 điểm % so với năm 2013).

- NLSX của khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm từ 59,2 - 79,7%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 20,1% - 40,6%, khu vực nhà nước chỉ chiếm 0,2%.

- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Long An với 71,9% và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 11 - 18,7%.

22. Giấy dép thường (1520010)

Có 43 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2.822,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 594,3 tỷ đồng, tăng 21,1 % so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 1.136,2 tỷ đồng, tăng 33,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 439,8 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 11,1 triệu đôi, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 16,3 triệu đôi, tăng 3,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 111,7 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 9,4 triệu đôi, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 48,0 triệu đôi, tăng 39,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất quá thấp nhưng thay đổi tương đối rõ rệt giữa các năm: Năm 2012 đạt 25,4%; năm 2013 đạt 26,9%; năm 2014 đạt 36,2%.

- NLSX các năm chia theo thành phần kinh tế: khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 1,4%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm từ 54,9 - 56,9%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 41,8 - 43,7%.

- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Trà Vinh (trên 42,8%, Đồng Nai (trên 38,8%), Hồ Chí Minh...

23. Giày dép thể thao (1520020)

Có 47 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 16.559,1 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 1.657,5 tỷ đồng, tăng 10,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 1.533,4 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 519,4 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 225,8 triệu đôi, tăng 43,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 288,7 triệu đôi, tăng 38,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 428,3 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 210,9 triệu đôi, tăng 49,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 275,8 triệu đôi, tăng 43,1% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất cao và tăng đều qua các năm từ 82,5 - 88,5%.
- NLSX của khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm trên 94,4%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 5,6%. Năm 2014 mới có rất ít khu vực doanh nghiệp nhà nước.
- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Tiền Giang (chiếm 50,0%), Đồng Nai (chiếm trên 30,0%), Long An (trên 5,0%).

24. Giày dép khác (1520030)

Có 18 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2.045,1 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 244,1 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 1.407,9 tỷ đồng, tăng 61,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 84,6 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 25,9 triệu đôi, tăng 30,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 39,0 triệu đôi, tăng 35,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012, sản lượng sản xuất thực tế của sản phẩm giày, dép thể thao là 48,5 triệu đôi. Năm 2013 năng lực mới tăng 11,2 triệu đôi,

tăng 23,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 14,0 triệu đôi, tăng 23,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất chỉ đạt mức trung bình và giảm dần, từ 57,3% xuống 49,3% qua các năm.

- NLSX tập trung tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài 78,4% - 86,8%, còn lại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Không có kho vực doanh nghiệp nhà nước tham gia điều tra.

- NLSX tập trung ở tỉnh Đồng Nai chiếm từ 33,5 - 41,6%, thành phố Hồ Chí Minh 27,8 - 30,5%, Thanh Hóa với 5,2 - 10,9%.

25. Bột giấy (1701010)

Có 7 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 463,5 tỷ đồng. Năm 2013 gần như không đầu tư. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 24,0 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 128,8 nghìn tấn. Năm 2013 công suất thay đổi không đáng kể. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 12,5 nghìn tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 57,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 1,0 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 12,5 nghìn tấn, tăng 21,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất bột giấy ở mức thấp, khoảng từ 44,4% - 49,6%.

- NLSX năm 2012 và 2013 chỉ có khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Năm 2014 có sự tham gia của doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực sản xuất bột giấy nhưng cơ cấu chỉ chiếm khoảng 8,8% NLSX của cả nước.

- Phần lớn NLSX sản phẩm thuộc tỉnh Đồng Nai (trên 85,0%), sau đó là đến Hà Giang và Hòa Bình.

26. Giấy và bìa (1701020)

Có 93 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 5.292,5 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 164,9 tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 225,8 tỷ đồng, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 742,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 25,6 nghìn tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 34,4 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 578,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 20,5 nghìn tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 42,2 nghìn tấn, tăng 7,0% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất giấy và bìa gấn như không thay đổi trong các năm ở mức 78 - 80%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 24,8 - 26,1%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 71,5 - 72,2, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 3,0 - 3,4%.

- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Phú Thọ khoảng 40,0%, Bắc Ninh khoảng 26,0%, Đồng Nai khoảng 13,0%.

27. Nhiên liệu dầu và xăng, dầu mỡ bôi trơn (192002)

Có 5 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 45.168,5 tỷ đồng. Năm 2013 và năm 2014 không đầu tư.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 11.007,4 nghìn tấn. Năm 2013 và 2014 năng lực sản xuất không tăng.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 14.726,0 nghìn tấn. Sản lượng sản xuất này được giữ nguyên trong năm 2013 và 2014.

Nhận xét:

- Đối với sản phẩm nhiên liệu dầu và xăng, dầu mỡ bôi trơn trong các năm đều vượt công suất thiết kế 33,8%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước là chủ yếu, chiếm 64,5%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 35,4%, còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- NLSX tập trung vào các tỉnh như: Quảng Ngãi chiếm 60,4%, Hà Nội chiếm 35,4%.

28. Khí dầu mỏ và các loại khí hydro cacbon khác (trừ khí thiên nhiên (192003))

Có 02 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.400 tỷ đồng. Giá trị đầu tư không thay đổi trong năm 2013 và năm 2014.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 457,2 nghìn tấn và không thay đổi trong năm 2013 và 2014.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 330,8 nghìn tấn. Mức sản lượng sản xuất này được giữ nguyên trong năm 2013 và 2014.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất ở mức 72,3%.

- Cơ cấu năng lực sản xuất của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 98,4%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 1,6%. Không thu thập được thông tin của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Tham gia sản xuất sản phẩm này gồm các doanh nghiệp tại hai tỉnh, thành phố là Bà Rịa - Vũng Tàu và Thanh Hóa.

29. Khí công nghiệp (201101)

Có 29 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.863,8 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 166,3 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 120,9 tỷ đồng, tăng 6,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 172,8 triệu m³. Năm 2013 năng lực mới tăng 16,8 triệu m³, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 25,6 triệu m³, tăng 13,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 135,7 triệu m³. Năm 2013 năng lực mới tăng 30,6 triệu m³, tăng 22,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 17,8 triệu m³, tăng 10,7% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất qua các năm 2012, 2013, 2014 ở mức cao, lần lượt là 78,6%, 87,7%, 85,6%.

- NLSX của khu vực nhà nước chiếm 87,0%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 4,5%, khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 8,5%; năm 2013 tỷ trọng các khu vực lần lượt là 84,5%, 4,4% và 11,1%; năm 2014 dự kiến tỷ trọng các khu vực lần lượt là 86,1%, 4,2% và 9,8%.

- NLSX tập trung phần lớn tại thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên chỉ khoảng 8,5 - 11,0%.

30. Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa nitơ (2012030)

Có 21 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 33.637,1 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 32,6 tỷ đồng, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 2.445,8 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 3.153,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 8,0 nghìn tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 324,1 nghìn tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 2.541,9 nghìn tấn. Năm 2013, sản lượng sản xuất thực tế giảm nhẹ (0,4 nghìn tấn) so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 204,7 nghìn tấn, tăng 8,1% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất gần như không đổi trong hai năm 2012 và 2013 (khoảng 80,5%). Năm 2014 tỷ lệ sử dụng công suất giảm chỉ còn 78,8%.

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 97,8%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 1,2%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 1,0%.

- NLSX tập trung phần lớn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khoảng 44,3 - 49,0%, Cà Mau khoảng 22,9 - 25,4%, Ninh Bình khoảng 16,1 - 17,8%.

31. Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa photphát (2012040)

Có 11 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 295,5 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 3,2 tỷ đồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ và tương tự, năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư tăng 1,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế gần như không thay đổi trong giai đoạn 2012 -2014. Năm 2012 đạt 1.514,6 nghìn tấn. Năm 2013 chỉ tăng thêm 1,4 nghìn tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 2,3 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 1.304,5 nghìn tấn. Năm 2013, tăng 0,5 nghìn tấn so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực sản xuất tăng gần 1,0 nghìn tấn so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất khá cao, ở mức 86,0%.
- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 85,8%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 14,2%. Trong điều tra không thu thập được thông tin doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.
- Theo tỉnh, thành phố, NLSX phần lớn tập trung tại tỉnh Phú Thọ chiếm 52,8%, Ninh Bình chiếm 19,8%, Đồng Nai chiếm 13,2%,...

32. Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa kali (2012050)

Có 3 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2,6 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư mới tăng 3,1 tỷ đồng, tăng 121,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư mới tăng 4,2 tỷ đồng, tăng 73,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 750 tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 870 tấn, tăng 116,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 760 tấn, tăng 46,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 550 tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 665 tấn, tăng 120,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 450 nghìn tấn, tăng 37,0% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất phân khoáng hoặc phân hóa học chứa Kali từ 70,0 - 75,0%.

- Trong cuộc điều tra chỉ thu thập được thông tin của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước nên toàn bộ NLSX đều của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Nam là địa phương tập trung năng lực sản xuất của ngành này.

33. Phân khoáng hoặc phân hóa học khác chưa được phân vào đâu (2012070)

Có 55 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 4.155,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư mới tăng 50 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 đầu tư tăng thêm 245,5 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 4.069,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 987,4 nghìn tấn, tăng 24,3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 1.302,5 nghìn tấn, tăng 25,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 2.957,5 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 658,8 nghìn tấn, tăng 22,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 1.022,0 nghìn tấn, tăng 28,3% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp sử dụng trên 71,5% công suất thiết kế. Tỷ lệ này khá cao so với các ngành khác.

- NLSX khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng 24,4 - 37,2%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 47,0 - 65,1%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 10,5 - 15,7%.

- NLSX một số tỉnh, thành phố chiếm giữ tỷ trọng NLSX lớn (trên 10%) như Đồng Nai Phú Thọ Quảng Nam và phân tán trên một số tỉnh, thành phố như Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương...

34. Thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp (202101)

Có 31 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.071,2 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư thêm 46,8 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 14,6 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 7.076,5 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 2.007,8 nghìn tấn, tăng 28,4% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 1.302,7 nghìn tấn, tăng 14,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 6.140,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 3.606,2 nghìn tấn, tăng 58,7% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 2.165,2 nghìn tấn, tăng 22,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất cao: Năm 2012 đạt 86,8%. Đến năm 2013 và 2014 vượt công suất thiết kế 7,3 - 14,7%.

- Trong điều tra không thu được thông tin của các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước. NLSX khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 99,3%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%.

- Hầu hết NLSX tập trung tại tỉnh Long An với trên 99%, còn lại rải rác ở tỉnh Đồng Nai, Bắc Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

35. Sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít (202210)

Có 52 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.933,3 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 219,1 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 106,9 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 1.731,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 138,6 nghìn tấn, tăng 8,0% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 236,5 nghìn tấn, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 1.527,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 89,9 nghìn tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 203,1 nghìn tấn, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Đây là ngành có tỷ lệ sử dụng công suất cao (trên 86,4%). Tỷ lệ này có tuy có xu hướng giảm nhưng không đáng kể qua các năm.

- NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (chiếm tỷ trọng 85,0 - 86,3%), khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng không quá 11,0%, còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai là hai địa phương tập trung NLSX chính sản phẩm này. Tại tỉnh Bình Dương lần lượt các năm 2012, 2013, 2014 là 73,5%, 71,5% và 73,1%; tỉnh Đồng Nai lần lượt là 26,5% 26,1% và 24,2%.

36. Xà phòng, chất pha chế dùng để giặt giũ và làm sạch (202323)

Có 9 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 280,9 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 47,9 tỷ đồng, tăng 17,1% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 46,2 tỷ đồng, tăng 14,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 226,97 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 32,8 nghìn tấn, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 33,6 nghìn tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 117,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 9,3 nghìn tấn, tăng 7,9% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 20,9 nghìn tấn, tăng 16,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Các doanh nghiệp sản xuất xà phòng, chất pha chế dùng để giặt giũ và làm sạch chỉ sử dụng hết một nửa công suất thiết kế. Năm 2012 tỷ lệ sử dụng công suất đạt 51,6%, năm 2013 đạt 48,7%, năm 2014 ước đạt 50,2%.

- NLSX năm 2012 của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 79,3%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 6,3%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 14,4%; năm 2013 tỷ trọng các khu vực lần lượt là 76,2%, 10,7% và 13,1%; năm 2014, tỷ trọng các khu vực lần lượt là 73,6%, 14,0% và 12,4%.

- NLSX tập trung hầu hết tại tỉnh Đồng Nai với 97,7%, còn lại rải rác ở tỉnh Bình Dương, Bình Thuận, Hưng Yên.

37. Lớp và sã m cao su mới (221101)

Có 17 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 vào sản xuất lốp và săm cao su mới, lốp mới, loại bơm hơi, băng cao su dung cho ô tô, xe và máy nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, lốp đặc hoặc nửa đặc, hoa lốp và lót vành, băng cao su, săm các loại, băng cao su (sau đây gọi tắt là lốp và săm cao su) là 6.498,6 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 252,2 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 243,1 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ; Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 cho dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su là 54 tỷ đồng. Năm 2013 và 2014 không đầu tư thêm cho sản xuất sản phẩm này.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 của sản phẩm lốp và săm cao su là 159,6 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 56,9 triệu cái, tăng 35,7% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 9,1 triệu cái, tăng 4,2% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su tính đến năm 2012 là 11,9 nghìn tấn và giữ nguyên trong năm 2013 và 2014.

NLSX theo thực tế tính đến năm 2012 của sản phẩm lốp và săm cao su là 118,3 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 8,9 triệu cái, tăng 7,5% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 2,9 triệu cái, tăng 2,3% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su tính đến năm 2012 là 13,5 nghìn tấn và giữ nguyên trong năm 2013 và 2014.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của hai nhóm sản phẩm này có sự khác nhau rõ rệt. Đối với sản phẩm lốp và săm cao su thì cao nhưng giảm dần qua các năm và đến năm 2014 thấp nhất chỉ đạt 57,6%. Đối với sản phẩm dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su đã sản xuất vượt công suất thiết kế 13,3% và giữ nguyên tỷ lệ này trong năm 2013 và 2014.

- Đối với sản phẩm lốp và săm cao su, NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tỷ trọng chiếm 75,4 - 78,6%, khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 21,2 - 24,3%, còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước; đối với sản phẩm dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su, NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và không thay đổi cơ cấu trong các năm, chiếm tỷ trọng 84,0%. Trong cuộc điều tra không thu được thông tin doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước cho sản phẩm dải camel-back dùng để đắp lại lốp cao su.

- NLSX chủ yếu tập trung tại tỉnh Đồng Nai (khoảng gần 30%), Tây Ninh khoảng 30%, còn lại là Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Trị. Đối với sản phẩm dãi camel-back dùng để đắp lại lớp cao su NLSX tập trung tại tỉnh Tây Ninh chiếm trên 90% và thành phố Hồ Chí Minh,...

38. Bao bì để gói hàng bằng plastic (222011)

Có 120 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.810,4 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 600,3 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 544,1 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 635,2 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 73,9 nghìn tấn, tăng 11,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng dự kiến 388,2 nghìn tấn, tăng 54,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 469,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 59,2 nghìn tấn, tăng 12,6% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 223,5 nghìn tấn, tăng 42,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất năm 2012 đạt 74,0%, năm 2013 đạt 74,6% (tăng 0,6 điểm % so với năm 2012), năm 2014 đạt 68,6% (giảm 6,0 điểm % so với năm 2013).

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 73,9 - 81,8%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 13,2 - 24,3%, còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX sản phẩm này tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, Tiền Giang và phân tán trên một số tỉnh, thành phố như An Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Đà Nẵng...

39. Xi măng (239411)

Có 88 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tương đối lớn cho máy móc, thiết bị sản xuất. Tính đến năm 2012 giá trị đầu tư là 112.616,1 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 9.125,3 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 3.749,2 tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 87.801,3 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 5.748 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 4.075,0 nghìn tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 57.157,3 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 3.185,7 nghìn tấn, tăng 5,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 3.992,8 nghìn tấn, tăng 6,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất xi măng tương đối ổn định ở mức 64,1 - 65,9%.

- NLSX khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng khoảng 32,0%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 42,0%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng khoảng 26,0%. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất thực tế lại chỉ tập trung vào khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước, khu vực đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng rất thấp.

- NLSX của các tỉnh có tỷ trọng trên 10% là Hải Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Bình, còn lại phân tán trên một số tỉnh, thành phố như Bắc Giang, Đà Nẵng, Hải Dương, Lạng Sơn...

40. Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản (241001)

Có 30 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2.372,9 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 623,2 tỷ đồng, tăng 26,3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 đầu tư tăng thêm 279,0 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 889,3 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 343,2 nghìn tấn, tăng 38,6% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 111,5 nghìn tấn, tăng 9,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 379,1 nghìn tấn. Tuy nhiên, năm 2013 đã có sự tăng trưởng vượt bậc, năng lực mới tăng 806,5 nghìn tấn, tăng 212,8% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực mới tăng 100,6 nghìn tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012, tỷ lệ sử dụng công suất chỉ đạt 42,6%. Tuy nhiên, năm 2013 gần như sản xuất hết công suất (96,2%). Năm 2014, tỷ lệ sử dụng công suất giảm giảm 0,5 điểm % so với năm 2013).

- NLSX tập trung chủ yếu tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 68,0 - 88,8%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 9 - 30,5%, còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tỷ trọng này có xu hướng dịch chuyển từ khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước sang khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- NLSX tập trung tại một số tỉnh như: Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Đồng Nai, Yên Bái,...

41. Sản phẩm sắt, thép thô (241002)

Có 50 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 33.200,6 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 2.211,7 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 152,2 tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 4.691,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 867,0 nghìn tấn, tăng 18,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 124,2 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 2.672,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 490,3 nghìn tấn, tăng 18,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 66,6 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất giảm nhẹ qua các năm: Năm 2012 đạt 57,0%, năm 2013 đạt 56,9%, năm 2014 dự kiến đạt 56,8%.

- NLSX của các doanh nghiệp khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm giữ phần lớn tỷ trọng sản xuất sản phẩm. Khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng không đáng kể.

- NLSX phân bố rải rác tại nhiều tỉnh, thành phố, tập trung nhiều nhất tại Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu...

42. Sản phẩm sắt, thép cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng (241003)

Có 11 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 472,4 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 2.955,1 tỷ đồng, tăng 625,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên năm 2014 dự kiến chỉ tăng thêm 52,8 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 372,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 267,8 nghìn tấn, tăng 72,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 64,0 nghìn tấn, tăng 10,0% so với cùng kỳ

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 238,4 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 65,5 nghìn tấn, tăng 27,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 53,4 nghìn tấn, tăng 17,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của ngành này thấp: Năm 2012 đạt 64,1%, năm 2013 giảm còn 47,5%, năm 2014 dự kiến đạt 50,8%.

- NLSX của các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước năm 2012 chiếm ưu thế nhưng đến năm 2013 và 2014 với sự tăng trưởng của các doanh nghiệp thuộc khu vực đầu tư nước ngoài đã giảm sự chênh lệch về tỷ trọng giữa các khu vực.

- Các doanh nghiệp phân bố rải rác tại các tỉnh, thành phố, trong đó, tập trung nhiều nhất tại Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Long An.

43. Sản phẩm sản phẩm sắt, thép cán phẳng không gia công quá mức cán nguội (ép nguội), chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng (241004)

Có 9 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 657,2 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 4.049,0 tỷ đồng, tăng 616,1% so với cùng kỳ. Đến năm 2014 không đầu tư tăng thêm.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 516,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 600,0 nghìn tấn, tăng 116,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 203,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 142,4 nghìn tấn, tăng 70,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất thấp hay nói cách khác là tình trạng dư thừa công suất khá lớn trong ngành sản xuất sản phẩm này. Năm 2012, sản lượng

sản xuất chỉ bằng 39,3% so với công suất thiết kế nhưng đến năm 2014 tỷ lệ này chỉ còn 30,9%.

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 98,1% vào năm 2012 nhưng đến 2013 và 2014 tỷ lệ này chỉ còn 45,4%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ tỷ trọng chiếm 1,9% vào năm 2012 tăng lên chiếm 45,7% , còn lại là của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Các doanh nghiệp phân bố tại các tỉnh, thành phố như Bà Rịa - Vũng Tàu (chiếm 39,0 - 62,8%%), Đồng Nai, Hưng Yên, Tiền Giang.

44. Sản phẩm thép cán phẳng chưa gia công quá mức cán nóng hoặc cán nguội (ép nguội), đã được dát phủ, mạ hoặc tráng; Sản phẩm thép kỹ thuật điện, thép gió (241005)

Có 07 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 651,2 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng mạnh mẽ với 3.572 tỷ đồng, tăng 548,5% so với cùng kỳ nhưng năm 2014 không tăng thêm giá trị đầu tư.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 1.132,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 560,0 nghìn tấn, tăng 49,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 848,5 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 55,4 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012, sản lượng sản xuất bằng 75,0% công suất thiết kế. Tuy nhiên năm 2013 tỷ lệ sử dụng công suất chỉ đạt 53,4%.

- Năng lực sản xuất tập trung phần lớn tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (chiếm 85,7%), còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Trong điều tra không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Các doanh nghiệp sản xuất phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Bà Rịa - Vũng Tàu (chiếm 75,1%), Đà Nẵng, Đồng Nai.

45. Sản phẩm sắt, thép dạng thanh, que, dạng góc, khuôn hình; thép vật liệu xây dựng (241006)

Có 52 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 9.711,4 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 3.935,9 tỷ đồng, tăng 40,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 đầu tư tăng thêm 358,7 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 3.044,7 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 819,4 nghìn tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 325,2 nghìn tấn, tăng 8,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 2.285,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 160,6 nghìn tấn, tăng 7,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 277,1 nghìn tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất thay đổi qua các năm: Năm 2012 đạt 75,0%, năm 2013 đạt 63,3%, năm 2014 dự kiến đạt 65,0%.

- Các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước chiếm giữ phần lớn tỷ trọng sản xuất sản phẩm. Khu vực đầu tư nước ngoài và khu vực nhà nước có tỷ trọng chênh lệch không đáng kể.

- NLSX năm 2012 của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 21,6%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 45,6%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 32,9%. Tuy nhiên, năm 2013 và 2014, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tăng NLSX lên vị trí 59,6%, khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm xuống 15,7%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm xuống 24,7%.

- Các doanh nghiệp phân bố rải rác tại nhiều tỉnh, thành phố, trong đó, tập trung nhiều nhất tại Bà Rịa - Vũng Tàu (chiếm 33,9 - 46,6%), Hải Dương, Hưng Yên, An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Đồng Nai...

46. Sản phẩm dây sắt hoặc thép (241008)

Có 10 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 231,0 tỷ đồng. Giá trị đầu tư năm 2013 tăng thêm 16,0 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 7,2 tỷ đồng, tăng 2,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 34,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 17,2 nghìn tấn, tăng 50,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 9,6 nghìn tấn, tăng 18,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 26,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 15,3 nghìn tấn, tăng 56,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, năm 2014 năng lực giảm 547,5 tấn, giảm 1,3% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất luôn có sự biến động: Năm 2012 đạt 78,9%, năm 2013 tăng lên mức 82,3% nhưng năm 2014 giảm còn 68,4%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 70,2%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 25,8%. Năm 2013 tỷ trọng của các khu vực lần lượt là 51% và 49%. Năm 2014 dự kiến tỷ trọng của các khu vực lần lượt là 58,7% và 41,3%. Không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong cuộc điều tra.

- Đồng Nai và Hồ Chí Minh là hai địa phương chiếm giữ tỷ trọng lớn (trên 40,0%), tiếp đến là Long An và Thái Nguyên.

47. Sản phẩm nhôm (242002)

Có 27 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.059,3 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 132,1 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 100,3 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 11,0 triệu tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 6,2 triệu tấn, tăng 56,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 6,0 triệu tấn, tăng 34,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 9,3 triệu tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 5,7 triệu tấn, tăng 60,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 6,1 triệu tấn, tăng 40,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị khá cao. Tỷ lệ sử dụng công suất năm 2012 đạt 84,3%, năm 2013 đạt 86,6%, năm 2014 dự kiến đạt 90,3%.

- NLSX của phần lớn các doanh nghiệp đều thuộc khu vực ngoài nhà nước (chiếm 95,8%), còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong điều tra.

- NLSX tập trung hầu hết ở Hà Nội (chiếm tới 95,0%), các tỉnh, thành phố khác có sản xuất sản phẩm như Bình Dương, Đồng Nai, Hồ Chí Minh...

48. Sản phẩm chì, kẽm, thiếc (242003)

Có 18 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 683,9 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 62,7 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 590,8 tỷ đồng, tăng 79,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 13.120,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 32,5 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 9.144 nghìn tấn, tăng 69,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 6.261,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 16,0 nghìn tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 3.878,9 nghìn tấn, tăng 61,8% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất máy móc thiết bị năm 2012 và 2013 chỉ đạt 47,7%. Đến năm 2014 dự kiến giảm xuống còn 45,5%.

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 99,9%, còn lại là khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong điều tra.

- Bình Phước là địa phương chiếm giữ gần như toàn bộ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, các tỉnh, thành phố khác chiếm giữ tỷ trọng rất thấp như Hồ Chí Minh, Cao Bằng, Tuyên Quang.

49. Sản phẩm đồng (242004)

Có 08 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 461,9 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 7,2 tỷ đồng, tăng 1,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 127,3 tỷ đồng, tăng 27,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 63,2 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 7,6 nghìn tấn, tăng 12,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 16,3 nghìn tấn, tăng 23,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 45,4 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 4,4 nghìn tấn, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 6,6 nghìn tấn, tăng 13,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất giảm dần qua các năm: Năm 2012 đạt 71,8%, năm 2013 đạt 70,3%, năm 2014 dự kiến chỉ đạt 64,7%.

- Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đồng đều thuộc khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (chiếm 95,7%), các doanh nghiệp khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

- Các doanh nghiệp sản xuất tập trung phần lớn ở Hải Phòng (chiếm 47,7%), Long An (chiếm gần 29%), Tiền Giang. Năm 2014 có thêm Hải Dương tham gia sản xuất sản phẩm này.

50. Sản phẩm linh kiện điện tử (261001)

Có 54 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư của sản phẩm tụ điện, điện trở gồm cả biến trở và chiết áp (trừ điện trở nung nóng), magnetrons, klytrons, ống đèn vi ba và ống điện tử khác, thiết bị bán dẫn, điốt phát sáng, tinh thể áp điện đã lắp ráp, bộ phận của chúng, mạch điện tử tích hợp (sau đây gọi tắt là linh kiện điện tử) tính đến năm 2012 là 3.238,5 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 1.295,2 tỷ đồng, tăng 40,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư tăng 389,3 tỷ đồng, tăng 8,6% so với kỳ; Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 của sản phẩm bộ phận của đèn ống và đèn chân không bằng điện và các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu (sau đây gọi tắt là linh kiện điện tử khác) là 1.660,9 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 1.256,6 tỷ đồng, tăng 75,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư tăng thêm 989,4 tỷ đồng, tăng 33,9% so với kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 sản phẩm linh kiện điện tử là 1.770,6 triệu chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 1.729,1 triệu chiếc, tăng 97,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 459,5 triệu chiếc, tăng 13,1% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 sản phẩm linh kiện điện tử khác là 6.673,2 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 695,3 nghìn tấn, tăng 10,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 666,8 nghìn tấn, tăng 9,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 của sản phẩm linh kiện điện tử là 1.476,0 triệu chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 1.160,0 triệu chiếc, tăng 78,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 557,1 triệu chiếc, tăng 21,1% so với cùng kỳ; NLSX theo thực tế năm 2012 của sản phẩm linh kiện

điện tử khác là 6.448,0 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 612,7 nghìn tấn, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 619,5 nghìn tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Đối với sản phẩm linh kiện điện tử, tỷ lệ sử dụng công suất năm 2012 là 83,4%, năm 2013 đạt 75,3%, năm 2014 dự kiến đạt 80,7%. Đối với sản phẩm linh kiện điện tử khác, tỷ lệ sử dụng công suất năm 2012 là 96,6%, năm 2013 giảm nhẹ, năm 2014 dự kiến đạt 95,6%.

- NLSX sản phẩm linh kiện điện tử tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 56,4 - 60,6%, còn lại là khu vực doanh nghiệp nước ngoài. Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin đối với doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước; NLSX sản phẩm linh kiện điện tử khác hầu hết tập trung tại khu vực đầu tư nước ngoài.

- NLSX sản phẩm linh kiện điện tử tập trung ở một số tỉnh, thành phố như: Hưng Yên với 39,5%, Vĩnh Phúc với 12,6%,... NLSX sản phẩm linh kiện điện tử khác lại tập trung ở Hà Nội chiếm giữ khoảng 93,3 - 97,4%.

51. Máy vi tính; bộ phận và phụ tùng của chúng (262001)

Có 02 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.722 tỷ đồng. Giá trị đầu tư năm 2013 chỉ tăng thêm 0,5 tỷ đồng và không tăng thêm trong năm 2014.

NLSX theo thiết kế năm 2012 là 3.929 nghìn cái. Năm 2013, năng lực mới tăng là 1,0 nghìn cái. Năm 2014 năng lực không thay đổi.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 2.427,8 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng là 0,4 nghìn cái. Năm 2014 năng lực giữ nguyên so với năm 2013.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất máy vi tính; bộ phận và phụ tùng của chúng không đổi qua các năm ở mức 61,8%.

- Khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm giữ hầu như toàn bộ NLSX sản phẩm (99,8 - 99,9%), còn lại là khu vực doanh nghiệp nước ngoài. Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Trong cuộc điều tra, toàn bộ NLSX thuộc tỉnh Đồng Nai.

52. Thiết bị điện dùng cho hệ thống đường dây điện thoại hoặc dây điện báo; hệ thống thông tin điện tử (263002)

Có 11 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2.118,6 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 411,9 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ. Năm 2014, dự kiến đầu tư tăng thêm 648,8 tỷ đồng, tăng 25,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 90.502,1 nghìn cái. Năm 2013, năng lực mới tăng 204.050,5 nghìn cái, tăng 225,5% so với cùng kỳ. Năm 2014, dự kiến năng lực mới tăng 112.226,3 nghìn cái, tăng 38,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 92.237,9 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 174.034,3 nghìn cái, tăng 188,7% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng 59.045 nghìn cái, tăng 22,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012 vượt công suất thiết kế 1,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng công suất giảm dần, năm 2013 đạt 90,4% và năm 2014 dự kiến đạt 80%.

- Gần như toàn bộ NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, khu vực ngoài nhà nước chỉ chiếm 0,1%. Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX theo tỉnh, thành phố thay đổi qua các năm. Một số tỉnh, thành phố tập trung NLSX như: Năm 2012 Hải Dương chiếm 14,8%, Bắc Ninh chiếm 33,1%, Thái Bình,... Năm 2013 Bắc Giang chiếm 60,2%, Hải Dương chiếm 6,8%, Thái Bình chỉ chiếm 20,0%,... Năm 2014 Bắc Giang chiếm 43,6%, Hải Dương chiếm 32,5%, Thái Bình chỉ chiếm 14,5%,... Tỉnh Đồng Nai có giá trị đầu tư chiếm trên 30% trong các năm nhưng NLSX chỉ chưa đến 1%. Tỉnh Bình Dương cũng trong tình trạng tương tự.

53. Sản phẩm máy thu hình (tivi,...) (2640020)

Có 06 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 126,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 1,8 tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ. Năm 2014, dự kiến đầu tư tăng thêm 2,5 tỷ đồng, tăng 1,9% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 4.330,8 nghìn cái. Năm 2013, năng lực tăng thêm 1,0 nghìn cái, tương đương với cùng kỳ. Năm 2014, dự kiến năng lực tăng thêm 1,5 nghìn cái so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 2.853,2 nghìn cái. Năm 2013 và dự kiến năm 2014 năng lực sản xuất mới tăng không đáng kể so với năm 2012.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất không thay đổi qua các năm từ 2012 đến 2014 ở mức 65,9%.

- Tại cuộc điều tra, không thu được thông tin khu vực doanh nghiệp nhà nước. NLSX của khu vực ngoài nhà nước chiếm 76,2%, khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 23,8%.

- NLSX phân bố trên các tỉnh, thành phố: Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Long An, Thái Nguyên. Trong đó, thành phố Hồ Chí Minh có tỷ trọng NLSX lớn nhất, khoảng 69%.

54. Sản phẩm động cơ điện có công suất không quá 37,5 W; động cơ một chiều khác; máy phát điện một chiều (2710110)

Có 07 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.943,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 78,1 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 496,4 tỷ đồng, tăng 24,6% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 61.444,4 nghìn cái. Năm 2013 năng lực tăng thêm 938,4 nghìn cái, tăng 1,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực tăng thêm 1.852 nghìn cái, tăng 3,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 47.350 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 5.054 nghìn cái, tăng 10,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 2.771,9 nghìn cái, tăng 5,3% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất khá cao trong ngành này. Năm 2012, sản lượng sản xuất bằng 77,1% công suất thiết kế. Tuy nhiên, năm 2013 tỷ lệ sử dụng công suất tăng lên 84,0% và năm 2014 dự kiến đạt 85,9%.

- Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin khu vực doanh nghiệp nhà nước. NLSX tập trung ở khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 85,4 - 87,7%. Còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- NLSX phân bố trên các tỉnh, thành phố: Đồng Nai, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, Đồng Nai có tỷ trọng NLSX trên 99,0%.

55. Sản phẩm động cơ đa năng một chiều/ xoay chiều có công suất trên 37,5 W; các động cơ xoay chiều khác; máy phát điện xoay chiều (271012)

Có 10 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 244,1 tỷ đồng. Năm 2013, đầu tư tăng thêm 4,8 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cùng kỳ. Năm 2014, đầu tư tăng thêm 10,6 tỷ đồng, tăng 4,3% so với năm 2013.

NLSX theo thiết kế tính năm 2012 là 13.216,6 nghìn cái. Năm 2013 năng lực tăng thêm 217,7 nghìn cái, tăng 1,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực tăng thêm 687,5 nghìn cái, tăng 5,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 9.670,6 nghìn cái. Năm 2013, năng lực tăng 99,5 nghìn cái, tăng 1,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực tăng 729,5 nghìn cái, tăng 7,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất khoảng 73,2 - 74,4%.

- Năm 2012 và 2013: NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước rất thấp (chưa tới 0,01%) dù giá trị đầu tư chiếm tỷ trọng gần 12%, chủ yếu là của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm gần 93,2%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 6,8%. Năm 2014 có thêm doanh nghiệp khu vực nhà nước tham gia và tỷ trọng đã thay đổi: Khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 3,6%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm gần 90,0%, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm gần 6,5%.

- NLSX tập trung tại tỉnh Đồng Nai chiếm trên 54,0%, Long An chiếm trên 33,4%, còn lại là Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh.

56. Sản phẩm biến thế điện (271021)

Có 11 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư sản phẩm biến thế điện; máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng; máy biến thế điện khác có công suất ≤ 16 kVA; máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA (sau đây gọi tắt là biến thế điện) tính đến năm 2012 là 950,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 455,8 tỷ đồng, tăng 47,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 404,6 tỷ đồng, tăng 28,8% so với cùng kỳ; Giá trị đầu tư sản phẩm phụ tùng biến thế điện tính đến năm 2012 là 3.200 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 192 tỷ đồng, tăng 6,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 đầu tư tăng thêm 273 tỷ đồng, tăng 8,0% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế của sản phẩm biến thế điện tính đến năm 2012 là 374,4 triệu chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng là 9,7 triệu chiếc, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 12,5 triệu chiếc, tăng 3,2% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm phụ tùng biến thế điện tính đến năm 2012 là 100,0 tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 80 tấn, tăng 80,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 50 tấn, tăng 27,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế sản phẩm biến thế điện năm 2012 là 316,5 triệu chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng là 58,2 triệu chiếc, tăng 18,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 11,9 triệu chiếc, tăng 3,2% so với cùng kỳ. NLSX theo thực tế sản phẩm phụ tùng biến thế điện năm 2012 là 25 tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 2 tấn, tăng 8,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng là 42 tấn, tăng 55,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất sản phẩm biến thế điện cao (năm 2012 là 84,5% đến năm 2013 và 2014 tỷ lệ này là 97,6% và 97,5%. Ngược lại, tỷ lệ sử dụng công suất sản phẩm phụ tùng biến thế điện thấp ở mức 15,0 - 25,0%.

- NLSX sản phẩm biến thế điện tập trung ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm trên 97,0% còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước; toàn bộ NLSX sản phẩm phụ tùng biến thế điện tại khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong cuộc điều tra không thu thập được thông tin doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Tỉnh Đồng Nai là địa phương chiếm giữ phần lớn NLSX của hai nhóm sản phẩm biến thế điện và phụ tùng biến thế điện.

57. Sản phẩm ắc quy điện và các bộ phận của chúng (272002)

Có 09 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì tính đến năm 2012 là 833,2 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 679,1 tỷ đồng, tăng 81,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 48,2 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ; Giá trị đầu tư sản phẩm ắc quy điện, kể cả vách ngăn của nó tính đến năm 2012 là 34,4 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 51,8 tỷ đồng, tăng 81,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến không tăng giá trị đầu tư.

NLSX theo thiết kế của sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì tính đến năm 2012 là 430,3 nghìn kWh. Năm 2013 năng lực mới tăng là 673,2 nghìn kWh, tăng 156,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 50,5 nghìn kWh, tăng 4,6% so với cùng kỳ; NLSX theo thiết kế của sản phẩm ắc quy điện, kể cả vách ngăn của nó tính đến năm 2012 là 625,6 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 45,7 nghìn tấn, tăng 7,3% so với cùng kỳ. Năm 2014, dự kiến năng lực không tăng so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì năm 2012 là 350,6 nghìn Kwh; năm 2013 năng lực mới tăng là 305,4 nghìn Kwh, tăng 87,1% so với cùng kỳ; năm 2014, dự kiến năng lực mới tăng là 3,7 nghìn Kwh, tăng 0,6% so với cùng kỳ. NLSX theo thực tế sản phẩm ắc quy điện, kể cả vách ngăn của nó năm 2012 là 417,1 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng là 32,4 nghìn tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực không tăng so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì năm 2012 là 81,5% nhưng năm 2013 chỉ đạt 59,4% và năm 2014 dự kiến chỉ đạt 57,2%; tỷ lệ sử dụng công suất của sản phẩm ắc quy điện, kể cả vách ngăn của nó chỉ trên 66,7%.

- NLSX sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì, cơ cấu thành phần kinh tế như sau: khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,1%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm khoảng 30,0%, khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm gần 70,0%; NLSX sản phẩm phụ tùng biến thể điện tập trung tại khu vực ngoài nhà nước với trên 99,0%.

- NLSX sản phẩm ắc quy điện bằng axit - chì tập trung ở tỉnh Ninh Bình (trên 50%), còn lại ở Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh; NLSX sản phẩm phụ tùng biến thể điện tập trung gần như 100% ở Đồng Nai.

58. Sản phẩm dây, cáp điện và điện tử khác (273201)

Có 45 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.689,4 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm là 463,3 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 đầu tư tăng thêm 624,5 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 2.843,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 2.053,4 nghìn tấn, tăng 72,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 1.876,5 nghìn tấn, tăng 38,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 2.289,9 nghìn tấn. Năm 2013 năng lực mới tăng 1.753,2 nghìn tấn, tăng 76,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 1.691,5 nghìn tấn, tăng 41,8% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất cao và tăng dần qua các năm: Năm 2012 là 80,5%, năm 2013 đạt 82,6%, năm 2014 dự kiến đạt 84,7%.

- NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 76,5 - 78,5%, còn lại là khu vực ngoài nhà nước. Trong cuộc điều tra không có doanh nghiệp nhà nước tham gia điều tra.

- NLSX tập trung ở một số tỉnh, thành phố như sau: Bình Dương, Hải Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh,...

59. Sản phẩm đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện kể cả đèn chùm hàn kín và đèn tia cực tím hoặc đèn hồng ngoại; đèn hồ quang (274001)

Có 06 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 687,1 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 5,7 tỷ đồng, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 giá trị đầu tư tăng thêm 5,8 tỷ đồng, tăng 0,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 463,8 triệu cái. Năm 2013, năng lực mới tăng 110,4 triệu cái, tăng 23,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 100,6 triệu cái, tăng 17,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 268,9 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng là 65,1 triệu cái, tăng 24,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng là 434,9 triệu cái, tăng 30,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012, sản lượng sản xuất chỉ bằng 58,0% so với công suất thiết kế. Tuy nhiên đến năm 2014, tỷ lệ sử dụng công suất dự kiến tăng lên mức 64,5%.

- NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm trên 79,8%, còn lại của khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Trong cuộc điều tra không thu được thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

- NLSX tập trung tại Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Long An. Trong đó, Lạng Sơn có tỷ lệ cao nhất khoảng 51,9%.

60. Sản phẩm tủ lạnh và tủ đông; máy rửa bát đĩa; máy giặt; chăn điện và quạt (275001)

Có 23 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.325,2 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 183,1 tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư tăng thêm 153,3 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 5,3 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 1,7 triệu cái, tăng 32,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 3,2 triệu chiếc, tăng 44,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 4,7 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 0,8 triệu cái, tăng 18,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 1,2 triệu cái, tăng 21,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012, tỷ lệ sử dụng công suất đạt 87,1% nhưng đến năm 2013 giảm còn 77,5% và năm 2014 dự kiến chỉ đạt 65,0%.

- NLSX theo thành phần kinh tế như sau: khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,5 - 28,1%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 43,3 - 48,5%.

- NLSX tập trung ở một số tỉnh, thành phố: Đồng Nai, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,...

61. Sản phẩm thiết bị nhiệt điện gia dụng (275002)

Có 11 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 409,0 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 40,7 tỷ đồng, tăng 10,0% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 35,1 tỷ đồng, tăng 7,8% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 121,1 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 122,6 triệu cái, tăng 1,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 5,4 triệu cái, tăng 4,4% so cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 94,3 triệu cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 1,6 triệu cái, tăng 1,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 2,3 triệu cái, tăng 2,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của ngành trong các năm từ 76,7 - 78,3%.
- NLSX tập trung chủ yếu ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng trên 73,5%, còn lại của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trong cuộc điều tra không thu được thông tin doanh nghiệp nhà nước.
- NLSX tại hai tỉnh, thành phố là Bình Dương (chiếm 33,9%) và Hải Dương (chiếm 50,8%).

62. Sản phẩm máy văn phòng (281702)

Có 01 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 413,6 tỷ đồng. Năm 2013 và dự kiến năm 2014 không đầu tư tăng thêm.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 4,0 triệu cái.

NLSX theo thực tế năm 2012 là 3,3 triệu cái. Năm 2013 và dự kiến năm 2014 sản lượng thực tế không thay đổi so với năm 2012.

Nhận xét:

- Năm 2012, sản lượng sản xuất chỉ bằng 82,9% so với công suất thiết kế. Tỷ lệ sử dụng công suất không thay đổi trong năm 2013 và 2014.
- Khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 100% cơ cấu NLSX sản phẩm máy văn phòng.
- Doanh nghiệp này có trụ sở sản xuất tại Hải Dương, chiếm 100% NLSX sản phẩm.

63. Sản phẩm điều hoà không khí, máy hóa lỏng khí; thiết bị làm lạnh, quạt trừ loại sử dụng trong gia đình (281901)

Có 04 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 21,7 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 10,9 tỷ đồng, tăng 50,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm 8,9 tỷ đồng, tăng 27,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 102,6 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 21,2 nghìn chiếc, tăng 20,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 5,1 nghìn chiếc, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 53,1 nghìn cái. Năm 2014, dự kiến năng lực tăng mới 9,5 nghìn cái, tăng 15,6% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Năm 2012 sản lượng sản xuất bằng 51,8% so với công suất thiết kế. Năm 2013 tỷ lệ sử dụng công suất chỉ đạt 49,1%. Đến năm 2014 tỷ lệ sử dụng công suất dự kiến đạt 54,5%.

- NLSX tập trung tại khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 93,1 - 97,5%, khu vực ngoài nhà nước chiếm 2,5%.

- NLSX tập trung chủ yếu trên các tỉnh Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, trong đó Đồng Nai là địa phương chiếm phần lớn NLSX.

64. Sản phẩm máy kéo (282101)

Có 04 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 64,3 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 21,8 tỷ đồng, tăng 33,9% so với cùng kỳ. Năm 2014 giá trị đầu tư tăng thêm 11,6 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 76,5 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 17 nghìn cái, tăng 22,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 4 nghìn cái, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 61,2 nghìn cái. Năm 2013 năng lực tăng mới 7,1 nghìn cái, tăng 11,6% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 1,5 nghìn cái, tăng 2,2% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất của các doanh nghiệp sản xuất máy kéo giảm dần qua các năm: Năm 2012 đạt 80,0%, năm 2013 là 73,0% và năm 2014 dự kiến là 71,5%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước khoảng 45,0% và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước khoảng 55,0%. Trong cuộc điều tra không thu được thông tin của doanh nghiệp thuộc khu vực đầu tư nước ngoài

- Tỉnh Đồng Nai và Hải Dương là hai địa phương chiếm giữ hầu hết năng lực sản xuất sản phẩm.

65. Sản phẩm máy tiện, khoan, doa, phay, mài, đánh bóng, bào, xọc, chuốt, cắt dùng để gia công kim loại (282202)

Có 08 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 712,8 tỷ đồng. Năm 2013 chỉ tăng thêm 0,4 tỷ đồng, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến giá trị đầu tư tăng không đáng kể so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 1.274,0 nghìn cái. Năm 2013 năng lực mới tăng 2,0 nghìn cái, tăng 0,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 16 nghìn cái, tăng 1,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 978,1 nghìn cái. Năm 2013 chỉ tăng 0,1 nghìn cái. Đến năm 2014 dự kiến năng lực mới tăng 14 nghìn cái, tăng 1,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Giai đoạn 2012 - 2014, sản lượng sản xuất thực tế bằng khoảng 76,8% công suất thiết kế.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm trên 70,6%, còn lại là của khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài Trong cuộc điều tra không thu được thông tin của doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước.

- Tỉnh Đồng Nai là địa phương chiếm hầu hết năng lực sản xuất sản phẩm này.

66. Sản phẩm xe có động cơ chở dưới 10 người, kể cả xe chở người có khoang hành lý riêng (2910020)

Có 07 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 3.848,8 tỷ đồng. Năm 2013 đầu tư tăng thêm 1.788,0 tỷ đồng, tăng 46,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến đầu tư tăng thêm là 286 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 65,8 nghìn chiếc. Năm 2013 năng lực tăng thêm 30,4 nghìn chiếc, tăng 46,2% so với cùng kỳ. Đến năm 2014 dự kiến mới tăng 13,7 nghìn chiếc, tăng 14,2% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 17,0 nghìn chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 5,7 nghìn chiếc, tăng 33,2% so với cùng kỳ. Đến năm 2014 năng lực mới tăng 9,2 nghìn chiếc, tăng 40,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Đã xảy ra tình trạng dư thừa công suất trong ngành này. Tỷ lệ sử dụng công suất năm cao nhất cũng chỉ được 29,0%.

- Trong cuộc điều tra không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước. NLSX khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có ưu thế hơn so với khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Các doanh nghiệp sản xuất tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố như Quảng Nam (chiếm 52,5 - 66,2%), Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Ninh Bình,...

67. Sản phẩm xe có động cơ chở từ 10 người trở lên (2910030)

Có 10 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 249,4 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 0,5 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ. Năm 2014 dự kiến không tăng thêm giá trị đầu tư.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 3,3 nghìn chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 0,1 nghìn chiếc, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế tính đến năm 2012 chỉ đạt 1,4 nghìn chiếc. Đến năm 2013, năng lực mới tăng 0,1 nghìn chiếc, tăng 3,5% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất ở mức 44 - 45,2%.

- NLSX của khu vực doanh nghiệp nhà nước chiếm 53,8%, còn lại là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài không tham gia điều tra.

- Các doanh nghiệp sản xuất phân bố các tỉnh, thành phố như Đà Nẵng, Hưng Yên, Quảng Nam; trong đó Quảng Nam chiếm tỷ trọng tương đối lớn (56,2%) so với Đà Nẵng và Hưng Yên.

68. Sản phẩm xe có động cơ vận tải hàng hóa (291004)

Có 10 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 1.629,9 tỷ đồng. Tuy năm 2013 không có đầu tư mới nhưng năm 2014 giá trị đầu tư tăng thêm 143,0 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2012.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 92,9 nghìn chiếc. Đến năm 2014 năng lực mới tăng 7,0 nghìn chiếc, tăng 7,5% so với năm 2012.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 23,7 nghìn chiếc. Đến năm 2014 năng lực mới tăng 5,0 nghìn chiếc, tăng trên 21,1% so với năm 2012.

Nhận xét:

- Tình trạng dư thừa công suất chung trong ngành sản xuất và lắp ráp xe có động cơ. Tỷ lệ sử dụng công suất của ngành này các năm cũng không quá 28,8%.

- NLSX khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm ưu thế (58,7 - 61,1%) so với khu vực nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài.

- Các doanh nghiệp sản xuất có sự phân bố ở nhiều tỉnh thành phố khác nhau, trong đó tập trung nhiều nhất tại tỉnh Thanh Hóa, sau đó là Quảng Nam và Hưng Yên.

69. Sản phẩm xe mô tô và xe thùng (3091010)

Có 06 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 2.055 tỷ đồng. Năm 2013 giá trị đầu tư tăng thêm 256 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ. Năm 2014 giá trị đầu tư tăng thêm 2.303 tỷ đồng, tăng 99,7% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 511,9 nghìn chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 22,3 nghìn chiếc, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 513,1 nghìn chiếc, tăng 96,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 đạt 240,4 nghìn chiếc. Năm 2013 năng lực mới tăng 11,3 nghìn chiếc, tăng 4,7% so với cùng kỳ. Năm 2014 năng lực mới tăng 81,6 nghìn chiếc, tăng 32,4% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng công suất năm 2012 đạt 47,1% và đến năm 2014 dự kiến giảm chỉ còn 31,8%.

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 90,2%, còn lại là khu vực doanh nghiệp nhà nước. Trong điều tra không có khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xe mô tô và xe thùng tập trung chủ yếu ở Đồng Nai, Hưng Yên và Nam Định. Năm 2014 có thêm các tỉnh Hà Nam, thành phố Hồ Chí Minh.

70. Sản phẩm xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ (3092010)

Có 03 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư tính đến năm 2012 là 211,0 tỷ đồng. Năm 2013 và 2014 không có đầu tư mới.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 là 29,6 nghìn chiếc. Năm 2013 và 2014 không tăng năng lực.

NLSX theo thực tế năm 2012 chỉ đạt 10,1 nghìn chiếc và không tăng trong năm 2013 và 2014.

Nhận xét:

- Đây là ngành có tỷ lệ sử dụng công suất thấp (34,0%).

- NLSX tập trung ở khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, chiếm vai trò chủ đạo với 67,6%, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 32,4%. Không có sự tham gia của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong điều tra.

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ tập trung chủ yếu ở Lạng Sơn chiếm 67,7%, Đồng Nai chiếm 32,3%.

D. ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ

1. Sản phẩm điện (351010)

Có 149 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được điều tra. Kết quả như sau:

Giá trị đầu tư vào sản xuất điện tính đến năm 2012 gần 1.129 nghìn tỷ đồng; giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2013 gần 44,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ; dự kiến giá trị đầu tư mới tăng trong năm 2014 trên 49,9 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

NLSX theo thiết kế tính đến năm 2012 trên 132,09 tỷ kWh; năng lực mới tăng trong năm 2013 trên 4,3 tỷ kWh, tăng 3,3% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực mới tăng trong năm 2014 trên 13,9 tỷ kWh, tăng 10,1% so với cùng kỳ.

NLSX theo thực tế năm 2012 trên 118,6 tỷ kWh; sản xuất thực tế trong năm 2013 tăng 3,67 tỷ kWh, tăng 3,1% so với cùng kỳ; dự kiến năng lực sản xuất thực tế trong năm 2014 9,97 tỷ kWh, tăng 8,1% so với cùng kỳ.

Nhận xét:

- Giá trị đầu tư tăng đều trong các năm, nhất là năm 2014 nhưng tỷ lệ sử dụng công suất giảm tuy không đáng kể (các năm 2012, 2013 2014 lần lượt là 89,8%; 89,7%; 88,1%).

- Năng lực sản xuất tập trung tại khu vực doanh nghiệp nhà nước (chiếm gần 97%). Tuy nhiên, tỷ lệ này đang có xu hướng giảm do doanh nghiệp ngoài nhà nước đẩy mạnh đầu tư qua các năm. Không có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

- Sản xuất điện tập trung tại một số tỉnh như: Hòa Bình, Lào Cai, Sơn La, Quảng Ninh, Bình Thuận, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau,... (Trong Kết quả điều tra có cả thành phố Hà Nội là do một số doanh nghiệp đầu tư phía Bắc có mã số thuế tại Hà Nội).